

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

(Thực hiện theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Quảng ninh, tháng 06 năm 2018

Tel: (084) 02033 668 355 - Fax (084) 02033 668 354

Email: hkongqnce@gmail.com

Website: www.qnce.vn

Địa chỉ: Khu Hợp Thành – Phường Phương Nam – Thành phố Uông Bí - Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH
Năm báo cáo: 2017

(Thực hiện theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch Tiếng Việt: Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.
- Tên giao dịch Tiếng Anh: Quang Ninh Contrucstion and Cement Joint Stock Company.
- Tên giao dịch viết tắt: QNCC.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Ngày 28/03/2005 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 22.03.000388, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 26/2/2010 số: 5700100263, thay đổi lần thứ 17 ngày 29/12/2016; thay đổi lần thứ 18 ngày 21/2/2017, thay đổi lần thứ 19 ngày 31/3/2017, thay đổi lần thứ 20 ngày 15/08/2017, thay đổi lần thứ 21 ngày 04/01/2018, thay đổi lần thứ 22 ngày 05/04/2018;
- **Vốn điều lệ: 371.811.090.000 đồng.**
- Địa chỉ: Khu Hợp Thành, Phường Phương Nam, TP Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh.
- Số điện thoại: 02033.668355/02033.668388; Số fax: 02033.668354
- Website: www.qncc.vn
- Mã cổ phiếu: QNC, Ngày 10/01/2008, Cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Ngày giao dịch đầu tiên: 17/01/2008.

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Tiền thân thành lập là Xí nghiệp Than Uông Bí từ năm 1985.
- Ngày 22/01/1997 tại Quyết định số 262/QĐ-UB của UBND Tỉnh Quảng Ninh sáp nhập Xí nghiệp Xây dựng Uông Bí vào Xí nghiệp Than Uông Bí thành lập Công ty Xi măng và Xây dựng Uông Bí.
- Ngày 11/04/1998 tại Quyết định số 1125/QĐ-UB của UBND Tỉnh Quảng Ninh Sáp nhập Công ty Xi măng Quảng Ninh vào Công ty Xi măng và Xây dựng Uông Bí thành lập Công ty Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.
- Ngày 04/02/2005 tại Quyết định số 497/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt cổ phần hoá. Tên công ty được thay đổi thành: Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- ☞ *Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất xi măng, khai thác và chế biến đá, than, xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu dân cư và KCN...*
- ☞ *Ngành nghề kinh doanh:(các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất):*
Những mảng kinh doanh chủ yếu chiếm tỷ trọng doanh thu cao năm 2017 như:

Ngành sản xuất	ĐVT	Năm 2017		Năm 2016	
		Giá trị	Tỷ trọng/tổng doanh thu	Giá trị	Tỷ trọng/tổng doanh thu
1. Sản xuất xi măng	Đồng	851.669.041.626	89%	759.703.651.566	76%
2. Các hoạt động khác	Đồng	107.466.229.842	11%	113.020.275.402	11%

☞ *Địa bàn kinh doanh chính:*

Ban Tổng giám đốc Công ty xác định rằng việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp cho các đại lý không dựa trên khu vực địa lý.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

a) Mô hình quản trị:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra HĐQT của Công ty, HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất giữa hai kỳ đại hội cổ đông, có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các nghị quyết của đại hội cổ đông cùng kỳ, có toàn quyền nhân danh công ty, thay mặt cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được quy định trong Điều lệ của Công ty.

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và chịu trách nhiệm trước các cổ đông và pháp luật về những kết quả công việc của Ban kiểm soát với Công ty.

b) Cơ cấu bộ máy quản lý:

Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty bao gồm: Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc điều hành, các Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm, là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, định hướng chiến lược và kế hoạch mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

* Tổ chức bộ máy của Công ty tính tại thời điểm 31/12/2017 gồm:

- Phòng ban Công ty gồm (14) phòng ban:

1. Phòng Tổ chức Hành chính.
2. Phòng Tài chính Kế toán.
3. Phòng Kinh doanh.
4. Phòng Vật tư.
5. Phòng Quản lý Kho.
6. Phòng Tài nguyên.
7. Phòng Kinh tế Kế hoạch.
8. Phòng An toàn Môi trường.
9. Phòng Sản xuất.
10. Phòng Công nghệ - KCS.
11. Phòng Kỹ thuật Cơ Điện.
12. Ban An ninh Kiểm soát.
13. Ban quản lý KCN và Đầu tư hạ tầng.
14. Phân xưởng Sửa chữa Cơ điện.
15. Phân xưởng Lò nung.

* Công ty con và Công ty liên kết gồm (03) đơn vị:

1. Công ty Cổ phần Thương mại Sông Sinh (Công ty con);
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Uông Bí (Công ty liên kết);
3. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng An Khang (Công ty liên kết);

+ Mô hình quản trị Công ty được thực hiện theo các quy định:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Điều lệ Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/4/2015 được sửa đổi bổ sung qua các kỳ Đại hội.
- Các quy định pháp luật của Nhà nước.

c) Các công ty con, công ty liên kết tính tại thời điểm ngày 31/12/2017:

* Công ty con:

1. Công ty Cổ phần Thương Mại Sông Sinh.

- + Địa chỉ: Số 513, Phường Quang Trung, TP Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh.
- + Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; hoạt động vui chơi giải trí khác; Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động...
- + Vốn điều lệ: 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn)
- + Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con: 57%

* Công ty liên kết:

1.- Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng An Khang

+ Địa chỉ: Khu Công nghiệp Cái Lân, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

+ Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh: Xây lắp, thi công xây dựng

+ Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng chẵn)

+ Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty liên kết: 40%

2. Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Uông Bí

+ Địa chỉ: Phường Quang Trung, Thành Phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh

+ Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh: Xây lắp, thi công xây dựng

+ Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng chẵn)

+ Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty liên kết: 35,7%

5. Định hướng phát triển:

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

Công ty xác định mục tiêu chiến lược sản xuất kinh doanh là:

+ Tập trung mọi nguồn lực để nâng cao năng lực sản xuất sản phẩm, giữ vững sự tăng trưởng ổn định sản xuất, đảm bảo năng suất, chất lượng, hiệu quả, mở rộng thị trường và đa dạng các kênh tiêu thụ sản phẩm.

+ Đầu tư phát triển các lĩnh vực có lợi thế đủ sức cạnh tranh trên thị trường mang lại kinh tế cao.

+ Xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp phát triển và hoạt động hiệu quả.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Căn cứ Nghị quyết số: 39/NQ-ĐHCD ngày 26/04/2015 của Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2015 – 2020,

Căn cứ theo Nghị quyết số 96/NQ-ĐHCD ngày 19/06/2017 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 và các Nghị quyết chuyên đề của HĐQT Công ty họp thường kỳ. HĐQT đã xây dựng chiến lược phát triển Công ty trong thời gian tới như sau:

- 1) Tập trung mảng sản xuất chính: xi măng – Clinker, đầu tư chuyên sâu, nâng cao công suất và chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường và đa dạng sản phẩm. Phân đầu trong năm tới 100 % Clinker sản xuất ra đưa vào nghiền xi măng, tỷ trọng xuất khẩu đạt trên 80 %, còn lại phân phối cho thị trường nội địa.
- 2) Vận hành, khai thác và xây dựng cơ chế quản lý nguồn tài nguyên hiệu quả và đúng quy định như: đá, than và đất sét để đảm bảo và đáp ứng cho sản xuất. Ngoài ra còn đóng góp hiệu quả kinh tế ổn định hàng năm cho Công ty.
- 3) Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu về nguồn vốn kinh doanh, phân đầu trong năm tới sẽ nâng vốn điều lệ lên 600 tỷ để giảm hệ số đòn bẩy tài chính và mất cân đối nguồn vốn.
- 4) Rà soát và tái cơ cấu các khoản đầu tư góp vốn tại các Công ty con, công ty liên doanh, liên kết (thoái vốn tại các công ty không hiệu quả hoặc tăng tỷ lệ sở hữu tại các công ty có hiệu quả).
- 5) Rà soát và triển khai các dự án trọng điểm, các dự án mới (Sản xuất bao bì, nuôi trồng thủy sản...) tận dụng quỹ đất hiện có phù hợp với nguồn vốn và lộ trình phát triển chung của Công ty. Xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý khoa học đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh. Chuyển nhượng, thanh lý và đóng gói những dự án kéo dài, hiệu quả kinh tế thấp.
- 6) Phân đầu doanh thu năm 2018 trên 1.100 tỷ đồng, và tăng trưởng trung bình 15 – 20 % hàng năm từ các năm tiếp theo.

c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của QNCC thường xuyên tham gia các chương trình ủng hộ từ thiện, giáo dục... khẳng định trách nhiệm với cộng đồng góp phần hướng tới sự phát triển bền vững của xã hội.

6. Các rủi ro:

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái: Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất: Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng: Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động

sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh

* *Chỉ tiêu số lượng:*

TT	NỘI DUNG	ĐVT	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM	CHÊNH LỆCH SẢN LƯỢNG	SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM (%)
I	SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT					
1	Xi măng	Tấn	855.561	980.000	-124.438	87,30
2	Clinker	Tấn	734.288	805.000	-70.711	91,22
3	Than giao thầu	Tấn	47.725	60.000	-12.274	79,54
II	SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ					
1	Xi măng các loại	Tấn	854.108	1.000.000	-145.892	112,09
2	Clinker xuất bán	Tấn	266.828		266.828	
3	Than giao thầu	Tấn	47.725	60.000	-12.274	79,54

- Sản xuất Clinker thực hiện được 734.288 tấn; đạt 91,22% kế hoạch năm và bằng 95,84% so với cùng kỳ.

- Nghiền xi măng các loại thực hiện được 85.561 tấn, đạt 87,3% kế hoạch năm và bằng 159,34% so với cùng kỳ.

- Sản xuất than các loại: thực hiện được: 47.725 tấn đạt 79,54% kế hoạch năm bằng 41% so với cùng kỳ (*Do trong năm 2017 Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động của 02 Xi nghiệp than từ trực thuộc sang cổ phần nên doanh thu và sản lượng không hợp nhất trên báo cáo, Sản lượng tổng hợp báo cáo ở trên chỉ tính riêng sản lượng than Giao thầu Vàng Danh cho năm 2017*)

- Sản xuất đá các loại thực hiện được 576.613 m³ đạt 76,88% kế hoạch năm và bằng 89,8% so với cùng kỳ

* *Chỉ tiêu doanh thu tổng quát:*

TT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2017
1	Doanh thu Xi măng, clinker	Đồng	851.669.041.626
2	Doanh thu Than giao thầu VD	Đồng	49.255.290.041
3	Doanh thu thuê đất KCN và thuê HT TS khác	Đồng	11.725.737.342
4	Doanh thu KD Hạ tầng	Đồng	42.891.090.909
5	Doanh thu khác	Đồng	16.704.511.629
6	Doanh thu HĐTC	Đồng	696.404.552
	Cộng thực hiện	Đồng	972.942.076.099
	Kế hoạch năm 2017	Đồng	1.350.000.000.000
	So với KH năm (%)	%	72

* **Kết quả kinh doanh theo Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2017**

- *Kết quả kinh doanh hợp nhất.*

+ Tổng doanh thu: 976,273,895,944 đồng.

+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: (253,833,094,190) đồng.

+ Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ: (253,860,781,721) đồng.

- *Kết quả kinh doanh công ty mẹ:*

+ Doanh thu: 975,461,292,439 đồng.

+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: (253,412,949,910) đồng.

- + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: (253,412,949,910) đồng.
- + Nộp ngân sách: 29.786.714.509 đồng.

*** Đánh giá chung:**

Tình hình sản xuất của Công ty tuy vẫn được duy trì ổn định, giá trị sản xuất theo cơ cấu ngành và sản phẩm chính có sự thay đổi lớn. Trong năm công ty chỉ tập trung vào các sản phẩm có mũi nhọn như: sản xuất xi măng, Mảng than, đá; các mảng hoạt động khác như: kinh doanh cơ sở hạ tầng các dự án tạm thời dừng lại do thị trường bất động sản chưa nóng trở lại. Tuy nhiên hiệu quả kinh tế năm 2017 sụt giảm mạnh do giá bán sản phẩm giảm so với năm trước, giá nguyên liệu đầu vào cho sản xuất tăng cao, Dây truyền thiết bị vào kỳ sửa chữa lớn, chi phí tài chính nhiều, chênh lệch tỷ giá vay ngoại tệ lớn, nguyên liệu chính cho sản xuất xi măng như than, đá chưa đảm bảo chất lượng. Chi phí khác tăng cao như: phạt chậm nộp thuế, thiếu hụt kho than, bột liệu và clinker...hạch toán trong năm tài chính 2017. Cụ thể như sau:

1) Tổng lượng than thiếu kho 40.386,63 tấn, đã thu được từ việc khắc phục của các cá nhân là 10.000 tấn, lượng còn lại hạch toán vào giá vốn trong kỳ (30.386,63 tấn)	55,488,873,110
2) Chi phí dở dang (Bột liệu) thiếu kho	2,850,987,604
3) Clinker thiếu kho trong sản phẩm dở dang.	4,396,524,633
4) Phân bổ chi phí sản phẩm dở dang năm trước	6,157,423,140
5) Chi phí các dự án KD hạ tầng bị thu hồi	18,946,987,349
1. DA Khu tự xây CBCNV Hà Tu	9,861,805,358
2. DA KĐT Bắc Sơn	1,046,125,088
3. DA hoàn nguyên Bắc Sơn	2,128,967,883
4. DA Cầu Sên mở rộng	5,910,089,020
6) Chi phí các dự án đã hoàn thành và không còn triển khai chuyển sang chi phí 2017:	5,603,958,358
+ Chi phí dự án Đồi lấp ghép – TP Uông Bí, phần chi phí làm đường, vỉa hè cây xanh	4,222,858,308
+ Chi phí dự án Khu dân cư Phương Nam hiện đã dừng dự án, giá trị đã đầu tư:	1,221,529,352
+ Chi phí dự án Cải tạo Dây truyền NMXM LT I: dừng không triển khai, giá trị:	136,363,636
+ Chi phí dự án Cải tạo nâng cấp Cảng lam Thạch: dừng không triển khai, giá trị:	23,207,062
7) Chênh lệch tỷ giá có gốc ngoại tệ:	15,060,658,615
8) Tiền phạt chậm nộp, thuế phí tăng thêm :	13,326,261,823
9) Trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi:	16,036,268,720
10) Chi phí phân vật tư NMXM LT II trước đây đã xin ứng đưa vào sửa chữa	5,924,727,329
11) Khấu hao tăng thêm do nhập bổ sung tài sản Công đoạn nghiền so với năm 2016	18,398,516,138
12) Tiền thuế đầu vào không được khấu trừ của 40.386,63 tấn thiếu hụt	7,405,087,311
Cộng các khoản chi phí tăng thêm năm tài chính 2017 (mục 1-12)	169,596,274,129
Lỗ trong sx kinh doanh	83,816,675,781
Tổng lỗ năm 2017	253,412,949,910

Công tác tiêu thụ sản phẩm cơ bản được giữ vững, cơ cấu sản phẩm có sự thay đổi lớn, tổng sản lượng tiêu thụ Xi măng tăng 160,43% so với cùng kỳ, giảm tỷ lệ clinker xuống.

Lĩnh vực sản xuất và khai thác than năm 2017, công ty chỉ hạch toán phần than giao thầu Vàng Danh. Do đã cổ phần 2 Xí nghiệp thành viên về khai thác và chế biến than. Doanh số đóng góp gần 50 tỷ đồng.

Ngoài ra trong năm do chính sách thuế về xuất khẩu xi măng và clinker thay đổi, mà sản phẩm của công ty thuộc diện điều tiết của chính sách nên chi phí đầu vào tăng cao do không được khấu trừ thuế. Điều này cũng ảnh hưởng rất lớn đến KQSXKD của Công ty.

c) Công tác đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, quản lý các dự án và tài nguyên khoáng sản:

+ Tập trung giải quyết những tồn tại, vướng mắc, hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan các dự án hạ tầng khu vực Cẩm Phả và Uông Bí:

+ Dự án Khu dân cư Đông Yên Thanh: Đã hoàn tất thi công hạ tầng kỹ thuật và triển khai kế hoạch kinh doanh, huy động vốn.

+ Đối với dự án khu công nghiệp Cái Lân: Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thứ cấp trong KCN thực hiện (thu tiền thuê đất, phí dịch vụ hạ tầng...) công tác quản lý, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự... được đảm bảo.

+ Mở đá Phương Nam 1 đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép.

+ Ngày 12/4/2018 UBND Tỉnh Quảng Ninh ra Quyết định phê duyệt đề án đầu tư, hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật và đổi mới quản lý KCN Cái Lân (giao QNC làm Chủ đầu tư).

2. Một số kết quả khác:

+ Thực hiện cơ cấu lại nguồn vốn, sắp xếp lại nhân lực, từng bước ổn định quản lý điều hành theo mô hình trực tuyến một cấp (hiện Công ty hoạt động theo mô hình tư nhân, trong năm 2017 thay đổi 2 lần Chủ tịch HĐQT, 1 lần Tổng giám đốc điều hành).

+ Tổ chức thành công Hội nghị người lao động năm 2017, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 vào ngày 19/06/2017.

- Ngày 23/3/2017 chào bán thành công 6.730.000 cổ phiếu, với tổng giá trị 67.300.000.000 đồng theo phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 thống nhất thông qua và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận tại văn bản 8627/UBCK-QLCB, ngày 30/12/2016 và văn bản số 1513/UBCK-QLCB, ngày 23/03/2017.

- Ngày 19/06/2017, đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 theo quy định.

- Ngày 20/12/2017 đã thực hiện chào bán thành công 12.000.000 cổ phần, với tổng giá trị là 120 tỷ đồng theo phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thống nhất thông qua và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận tại văn bản 7518/UBCK-QLCB, ngày 03/11/2017 và văn bản số 8518/UBCK-QLCB, ngày 22/12/2017.

3. Tổ chức và nhân sự:

3.1 Ban Điều hành Công ty:

a) Danh sách Ban điều hành Công ty (Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty tại thời điểm 31/12/2017):

1. Ông. Nguyễn Xuân Quế: Chủ tịch HĐQT Công ty (ngày 19/06/2017 được bầu làm thành viên HĐQT, ngày 15/08/2017 được bầu làm Chủ tịch HĐQT Công ty,

ngày 12/12/2017 là Chủ tịch HĐQT và được HĐQT tạm giao các quyền hạn và trách nhiệm của Tổng giám đốc điều hành Công ty).

2. Ông. Tô Ngọc Hoàng: Thành viên HĐQT (Thôi chức vụ Tổng giám đốc điều hành Công ty kể từ ngày 12/12/2017).

3. Bà: Đào Thị Đàm: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty (bổ nhiệm ngày 15/03/2016, ngày 05/01/2018 được bầu kiêm Phó Tổng giám đốc phụ trách Kinh doanh Công ty).

4. Ông. Nguyễn Đình Tâm: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty (thôi Chủ tịch HĐQT Công ty và giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Công ty từ ngày 15/02/2017).

5. Ông: Đinh Đức Hiền: Thành viên HĐQT Công ty (Thôi Chủ tịch HĐQT Công ty, giữ chức vụ thành viên HĐQT Công ty kể từ ngày 15/08/2017).

6. Ông: Phạm Văn Điện: Phó Tổng giám đốc Công ty (thôi thành viên HĐQT Công ty kể từ ngày 19/06/2017)

7. Ông: Nguyễn Trường Giang: Thành viên HĐQT; Phó TGD Công ty.

8. Ông. Vandara Din: Thành viên HĐQT (được bầu thành viên HĐQT Công ty kể từ ngày 19/06/2017).

8. Ông Phạm Quốc Hùng: Phó Tổng giám đốc Công ty.

9. Ông. Vũ Trọng Hiệt: Phó Tổng giám đốc Công ty .

10. Bà. Phạm Thị Thế: Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 18/12/2017).

11. Ông: Nguyễn Ngọc Anh: Kế toán trưởng Công ty.

b) Danh sách Ban điều hành Công ty (Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty tại thời điểm 08/06/2018):

1. Ông. Đỗ Hoàng Phúc: Chủ tịch HĐQT Công ty.

2. Ông. Tô Ngọc Hoàng: TV HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành Công ty.

3. Bà: Đào Thị Đàm: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty, Phó Tổng giám đốc phụ trách Kinh doanh Công ty.

4. Ông. Nguyễn Đình Tâm: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty.

5. Ông. Nguyễn Xuân Quế: Thành viên HĐQT Công ty.

6. Ông: Phạm Văn Điện: Phó Tổng giám đốc Công ty.

7. Ông: Nguyễn Trường Giang: Thành viên HĐQT; Phó TGD Công ty.

8. Ông. Vandara Din: Thành viên HĐQT Công ty.

9. Ông. Phạm Quốc Hùng: Phó Tổng giám đốc Công ty.

10. Ông. Vũ Trọng Hiệt: Phó Tổng giám đốc Công ty .

11. Bà. Phạm Thị Thế: Thành viên HĐQT Công ty;

12. Ông: Nguyễn Ngọc Anh: Kế toán trưởng Công ty.

c) Tóm tắt lý lịch Ban điều hành Công ty (Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty, Kế toán trưởng Công ty tại thời điểm 05/06/2018):

1. Ông: Đỗ Hoàng Phúc: Chủ tịch HĐQT Công ty.

- Quốc tịch: Việt Nam; Sinh ngày 03/07/1957

- Số CMND: 164262855 - Cấp ngày: 04/01/2008 - Tại: Ninh Bình

- Nguyên quán: Yên Mô, Yên Nhân, Ninh Bình.

- Địa chỉ thường trú: Số 12, Đường Trịnh Tú, Phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Trình độ chuyên môn: Đại học cảnh sát nhân dân, cử nhân Luật, cử nhân Chính trị.

Quá trình công tác:

Từ năm 18 tuổi đến nay	Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua
------------------------	---

1975-2008	Chiến sỹ- Hạ sỹ- Đại tá - Trưởng phòng Nghiệp vụ tại Công an tỉnh Ninh Bình
2009-2011	Công tác tại Tỉnhhủy Ninh Bình - Phó chánh văn phòng
2011-2017	Công tác tại Sở giao thông vận tải tỉnh Ninh Bình- Phó giám đốc
2018 đến nay	Công tác tại Công ty TNHH Đầu tư và Thương Mại Nam Phương

** Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh: Chủ tịch HĐQT Công ty (ngày 28/03/2018)

** Chức vụ công tác tại các Công ty khác:

+ Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập Khẩu Nam Phương IMEX.

+ Chủ tịch Hội Đồng Quản trị Công ty Xuất Nhập khẩu Thực phẩm Toàn Cầu.

2. Ông: Tô Ngọc Hoàng: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty

- Quốc tịch: Việt Nam - Sinh ngày 23/11/1986

- Số CMND: 151517216 - Cấp ngày: 30/06/2005 - Tại: Thái Bình

- Nguyên quán: Tiền Hải – Thái Bình

- Địa chỉ thường trú: 91A Nguyễn Chí Thanh – Đống Đa – Hà Nội.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh.

• Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/2008 đến 12/2011	Công ty CP Xi măng Thăng Long	Trưởng phòng Vận tải, Xuất khẩu
1/2012 đến nay	Công ty TNHH Siamvina	Giám đốc điều hành
Từ ngày 24/2/2016 đến ngày 15/3/2016	Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty
Từ ngày 15/3/2016 đến ngày 17/8/2016	Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
Từ ngày 18/8/2016 đến ngày 12/12/2017	Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty
Từ ngày 12/12/2017	Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	Thành viên HĐQT Công ty
Từ ngày 24/05/2018	Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	Thành viên HĐQT Công ty Tổng giám đốc điều hành

3. Bà: Đào Thị Đàm: Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc phụ trách Kinh doanh Công ty:

+ Ngày tháng năm sinh: 04/03/1964; Quốc tịch: Việt Nam.

+ Số CMND: 141504175; Cấp ngày: 01/08/2006, Tại : Công an Hải Dương

+ Địa chỉ thường trú: Thị trấn Minh Tân, Kinh Môn , Hải Dương

+ Điện thoại: 0913266895, Email: trungthanh.gd@gmail.com

+ Trình độ văn hóa: 12/12

+ Trình độ chuyên môn: Kế toán doanh nghiệp.

+ Quá trình công tác:

- Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và vận tải Trường Thành.

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.
- Từ ngày 15/03/2016: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.
- Từ ngày 05/01/2018: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc phụ trách Kinh doanh Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

4. Ông Nguyễn Đình Tâm: Phó chủ tịch HĐQT Công ty:

- + Sinh ngày 21/09/1966; Quốc tịch: Việt Nam.
 - + Số CMND: 100437447 - Cấp ngày: 05/07/2007 - Tại: CA Quảng Ninh
 - + Địa chỉ thường trú: Tổ 1 - Vĩnh Trung - Mạo Khê - Đông Triều - Quảng Ninh
 - + Điện thoại: 0903458676 ; Email: XNthandongtrieu@yahoo.com.vn
 - + Trình độ văn hoá: Đại học Kinh tế quản lý doanh nghiệp mở
- Quá trình công tác.

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/1987	Lữ đoàn 214 - Quân khu 3	Bộ đội (Tài vụ)
01/1991 12/1996	Tư nhân	Lái xe
01/1997 09/2007	Xí nghiệp than Uông Bí - Cty CP Xi măng và Xây dựng QNinh	Quản đốc (Khai thác mỏ hầm lò)
10/2007 - nay	Xí nghiệp KT và KD than Đông Triều	Giám đốc - Bí thư chi bộ
26/4/2015 đến ngày 18/8/2016	Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	Thành viên HĐQT Công ty
Từ 18/8/2016 đến ngày 14/2/2017	Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	Chủ tịch HĐQT Công ty
Từ 15/2/2017	Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty

5. Ông: Nguyễn Trường Giang: Thành viên HĐQT, Phó TGĐ Công ty.

- Ngày tháng năm sinh: 02/01/1970; Giới tính: Nam – Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Xã Mỹ Thọ, Huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
- Nơi ở hiện nay: Phường Yên Thanh - Thành phố Uông Bí - Tỉnh Quảng Ninh.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế Công nghiệp.
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp lý luận Hành chính.

Quá trình công tác:

T11/ 1993 - T10/1994	Giáo viên trường CNKT cơ giới và Xây dựng Uông Bí tham gia Ủy viên BCH đoàn trường.
T11/1994 - T6/1995	Thống kê phân xưởng khai thác hầm lò Vàng Danh - Xí nghiệp than Uông Bí
T7/1995 - T12/1996	Phó quản đốc phân xưởng đá san nền Xí nghiệp than Uông Bí. Bí thư chi đoàn Xí nghiệp
T1/1997 - T3/1997	Phó quản đốc phân xưởng lộ thiên Vàng Danh - Công ty Xi măng và Xây dựng Uông bí - Bí thư đoàn Thanh niên Công ty.
T4/1997 - T9/1997	Nhân viên Phòng kỹ thuật Công ty Xi măng và Xây dựng Uông Bí. Bí thư đoàn thanh niên công ty - Ủy viên BCH Thị đoàn Uông Bí.

T10/1997 - T3/1999	Đội trưởng đội cơ giới số II Công ty Xi măng và Xây dựng Uông Bí. Bí thư đoàn thanh niên Công ty - Ủy viên BCH Thị đoàn Uông Bí - Ủy viên BCH Đảng ủy Ủy Công ty - Ủy viên BCH Công đoàn Công ty.
T4/1999 - T3/2000	Đội trưởng Đội cơ giới Công ty Xi măng và Xây dựng Uông Bí. Bí thư đoàn thanh niên Công ty - Ủy viên BCH Thị đoàn Uông Bí - Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty - Ủy viên BCH Công đoàn Công ty.
T4/2000 - T11/2006	Đội trưởng Đội cơ giới Cái Lân - Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh - Bí thư Chi bộ
T12/2006 - T3/2010	Bí thư Đảng bộ bộ phận - Giám Đốc Xí nghiệp than Uông Bí.
T4/2010 - nay	Ủy viên BCH Đảng bộ, TV HĐQT Công ty CP xi măng và xây dựng Quảng Ninh - Bí thư Đảng bộ bộ phận, Giám Đốc Xí nghiệp than Uông Bí.
T2/2015 đến ngày 31/3/2016	- Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty CP Xi măng và XD Quảng Ninh.
Từ ngày 01/4/2016 đến ngày 18/8/2016	- Thành viên HĐQT; Tổng giám đốc Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.
Từ ngày 18/8/2016 đến nay	- Thành viên HĐQT; Phó Tổng giám đốc Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

6. Ông: Nguyễn Xuân Quế: Thành viên HĐQT,

Sinh ngày 15/03/1970; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam

Quê quán: Xã Kim Đính, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

CMTND: 141331979, do Công an Hải Dương cấp ngày 04/06/2002.

Quá trình công tác:

+ Từ 2001- 2006: Giám đốc Công ty Cổ phần Triệu Vương – Khai thác Khoáng sản tại Hải Phòng, Quảng Ninh.

+ Giám đốc Công ty TNHH MTV Triệu Vương- Khai thác khoáng sản tại Hải Dương, Quảng Ninh.

+ Từ năm 2015 đến 11/12/2017 Giám đốc Công ty Cổ phần Núi Rùa.

+ Từ ngày 19/06/2017: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

+ Từ ngày 15/08/2017: Là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

+ Từ ngày 12/12/2017 đến 27/03/2018: Là Chủ tịch HĐQT Công ty và là người được HĐQT tạm giao thực hiện các quyền hạn, trách nhiệm của Tổng giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

+ Từ ngày 28/03/2018 đến ngày 24/05/2018: Là Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

+ Từ ngày 24/05/2018: Là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

7. Ông: Phạm Văn Điện: Phó Tổng giám đốc Công ty:

- Sinh ngày 25 tháng 02 năm 1960

- Quê quán: Hưng Đạo – Chí Linh – Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; CMTND: 100740561

- Địa chỉ thường trú: C8 ngõ 156 Lạc Trung, Phường Thanh Lương-Hai Bà Trưng Thành phố Hà Nội

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.

- Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc Công ty.

- Chức vụ Đảng hiện nay: Bí thư Đảng bộ Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

Quá trình công tác:

* Từ tháng 01/1990 đến tháng 04/1992: Tiểu đoàn trưởng

* Từ tháng 05/1992 đến tháng 02/1997: Phó giám đốc Xí nghiệp xây dựng Ưông Bí.

* Từ tháng 03/1997 đến tháng 07/2009: Giám đốc Xí nghiệp xây dựng Ưông Bí.

* Từ tháng 08/2009 đến ngày 19/06/2017: Thành viên HĐQT Công ty - Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

* Từ ngày 19/06/2017: Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

8. Ông: Van Dara Din: Thành viên HĐQT Công ty.

Sinh ngày 26/06/1959; Quốc tịch: Thụy Sĩ; Giới tính: Nam

Nơi ở: Chemin Jaques Attenville 14A, 1218 Geneva, Thụy Sĩ

Số hộ chiếu: X1130426, do Thụy Sĩ cấp ngày 19/09/2016.

Số điện thoại liên lạc: +4179434 7882

Quá trình công tác:

* Từ 1993-1995: Làm tại FJ Elsner Trading Pte Ltd, Singapore.

* Từ 1995 – 1997: Làm tại Inglewood Gestion SA Geneva, Thụy Sĩ.

* Từ 1997 – 2009: Làm tại Ascot commodities SA Geneva, Thụy Sĩ.

* Từ 2009 – 2017: Tư vấn xuất nhập khẩu gạo và các hàng hóa khác.

* Từ ngày 19/06/2017: Là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

9. Ông: Phạm Quốc Hùng: Phó Tổng giám đốc Công ty.

- Ngày sinh: 05/8/1965; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Xã Đông Vinh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình;

- Địa chỉ thường trú hiện nay: Tổ 6 khu 11, Phường Thanh Sơn, Thành phố Ưông Bí, Tỉnh Quảng Ninh; Số CMND: 100619103 cấp ngày 23/9/2010 tại CA Quảng Ninh;

- Chức vụ chuyên môn hiện nay: Phó tổng giám đốc Công ty.

- Trình độ văn hóa: 12/12; Trình độ chính trị: Trung cấp.

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khai thác mỏ; KS khai thác mỏ hầm lò.

Quá trình công tác:

TT	Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ / công việc đảm nhiệm
1	10/1988 ÷ 12/1990	Xí nghiệp XL mỏ Vàng Danh	Công nhân
2	01/1991 ÷ 05/1994	Xí nghiệp than Ưông Bí	P.Quản đốc PX
3	06/1994 ÷ 01/1997	XN Than Ưông Bí - PX.Yên Tử	Đội trưởng
4	02/1997 ÷ 12/2001	Xí nghiệp than Ưông Bí	P.Giám đốc
5	01/2002 ÷ 05/2006	C.Ty Cp xi măng và XD QN	TP.Kỹ thuật
6	06/2006 ÷ 03/2009	NMXM Lam Thạch II	Phó Giám đốc
7	04/2009 ÷ 02/2010	C.Ty Cp xi măng và XD QN	PGĐ Ban QLDA
8	03/2010 ÷ 12/2015	Xí nghiệp đá Ưông Bí	Giám đốc Xí nghiệp
9	08/2015 ÷ 5/2016	NMXM Lam Thạch II	Phó Giám đốc Nhà máy
10	02/2015 ÷ Nay	Công ty CP Xi măng và Xây dựng QN	Phó Tổng giám đốc

10. Ông Vũ Trọng Hiệt: Phó tổng giám đốc Công ty:

+ Số CMND: 100582579 - Cấp ngày: 13/5/2005 - Tại: Quảng Ninh; Giới tính: Nam

- + Ngày tháng năm sinh: 11/09/1966; Quốc tịch: Việt Nam.
- + Địa chỉ thường trú: Tổ 29a, khu 8, phường Quang Trung, TP Ưng Bí, Quảng Ninh.
- + Điện thoại: 0912048702, Email: vutronghiet@yahoo.com
- + Trình độ văn hoá: 10/10 ; Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kĩ thuật khai thác mỏ.
- + Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
4/1994 đến 12/1994	Xí nghiệp than Ưng Bí, nay là Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.	Công nhân
1/1995 đến 10/1997	Xí nghiệp than Ưng Bí, nay là Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.	Nhân viên
11/1997 đến 10/2000	Xí nghiệp khai thác chế biến than Ưng Bí, thuộc Công ty Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh;	Phó phòng
11/2000 đến 2/2003	Xí nghiệp khai thác chế biến than Ưng Bí, thuộc Công ty XM và Xây dựng Quảng Ninh;	Trưởng phòng
3/2003 đến 5/2005	Xí nghiệp KT chế biến than Ưng Bí, thuộc Công ty Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh;	Phó giám đốc
5/2005 đến 11/2006	Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	Phó phòng Kỹ thuật Công ty
12/2006 đến 4/2016	Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	TP Kỹ thuật Công ty
4/2016 đến nay	Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	Phó Tổng giám đốc

11. Bà. Phạm Thị Thế: Thành viên HĐQT:

- + Số CMND: 141479076 - Cấp ngày: 26/10/2005 - Tại: Hải Dương; Giới tính: Nữ
- + Ngày tháng năm sinh: 25/06/1972; Quốc tịch: Việt Nam.
- + Địa chỉ thường trú: Số nhà 38 Dã Tượng. Phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- + Điện thoại: 0982 058 779, Email: thepthyundaihaiduong@gmail.com
- + Trình độ văn hoá: 12/12 ; Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.
- + Quá trình công tác:
 - Từ tháng 6/1992- tháng 6/1993: Cán bộ Kế toán Ngân hàng Công thương Hải Dương.
 - Từ tháng 6/1993- tháng 9/2010: Cán bộ thống kê báo cáo, cán bộ tín dụng, Phó Phòng tín dụng, Trưởng phòng Khách hàng cá nhân, Trưởng phòng Giao dịch tại Ngân hàng Công thương Nhì Chiều.
 - Từ tháng 9/2010 – năm 2012: Trưởng phòng Kiểm tra Kiểm soát tại Chi nhánh Nhì Chiều thuộc Ngân hàng Công thương Việt Nam.
 - Từ tháng 10/2012 đến 8/2013: Trưởng Phòng Giao dịch số 2 tại Ngân hàng Công thương Hải Dương.
 - Từ tháng 9/2013 đến 5/2014: Giám đốc Công ty TNHH Toàn Thắng.
 - Từ tháng 5/2014: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sứ Hải Dương.
 - Từ ngày 18/12/2017 đến ngày 28/03/2018: Phó Tổng giám đốc phụ trách tài chính Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

- Từ ngày 28/03/2018 đến ngày 24/05/2018: Là Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc độc phụ trách tài chính Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.
- Từ ngày 24/05/2018: Là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

12. Ông: Nguyễn Ngọc Anh: Kế toán Trưởng Công ty:

- + Số CMND: 101 306 092 - Cấp ngày: 21/06/2013 - Tại: Quảng Ninh
- + Giới tính: Nam; Ngày tháng năm sinh: 10/09/1979; Quốc tịch: Việt Nam
- + Địa chỉ thường trú: Tổ 30 khu 3, Phường Hùng Thắng, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0904.309 350; Email: ngocanhqnc@gmail.com
- + Trình độ văn hoá: 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- + Quá trình công tác:

Thời gian	Cơ quan công tác	Chức vụ
từ 1997 đến 2001	Trường Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội	Sinh viên
Từ 2002 đến tháng 4/2011	Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh	Nhân viên Phòng Kế toán Công ty
Từ tháng 4/2011 đến tháng 5/2016	Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	Phó Phòng Kế toán Công ty
Từ tháng 5/2016 đến nay	Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Kế toán trưởng Công ty

*** Tỷ lệ sở hữu cổ phần QNC có quyền biểu quyết do công ty phát hành tính tại thời điểm ngày 06/03/2018. (Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty)**

TT	TÊN TÓ CHỨC CÁ NHÂN	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại Công ty	SỐ CMT			SL cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Địa chỉ
				Số	Ngày cấp	Nơi cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Đỗ Hoàng Phúc		+ Được bầu làm thành viên HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty từ ngày 28/03/2018	164262855,	cấp ngày 04/01/2008,	Ninh Bình	1.729.647	4,57%	Phường Ninh Khánh, TP Ninh Bình tỉnh Ninh Bình
2	Tô Ngọc Hoàng		+ TV. HĐQT, Phó TGD Công ty đến ngày 15/3/2016 + Từ ngày 15/3/2016 là Chủ tịch HĐQT Công ty. + Từ ngày 18/8/2016 đến 12/12/2017 là Thành viên HĐQT, TGD Công ty. + Từ ngày 12/12/2017 là Thành viên HĐQT Công ty + Từ ngày 24/5/2018 là Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành Công ty	151517216	30/06/2005	CA Thái Bình	0	0	91A Nguyễn Chí Thanh – Đống Đa – Hà Nội
3	Nguyễn Xuân Quế		+ Từ ngày 19/06/2017 là thành viên HĐQT; + Từ ngày 15/08/2017 là Chủ tịch HĐQT + Từ ngày 12/12/2017 là Chủ tịch HĐQT, và là người được HĐQT tạm giao thực hiện các quyền hạn, trách nhiệm của Tổng giám đốc Công ty. + Từ ngày 28/3/2018 là thành viên HĐQT, TGD Công ty. + Từ ngày 24/05/2018 là thành viên HĐQT Công ty	141331979	cấp ngày 04/6/2002	Công an Hải Dương	0	0	Khu I Hạ Chiếu, TT Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
4	Đình Đức Hiền	058C256689	- TV HĐQT, TGD Công ty đến ngày 22/3/2016. + Từ ngày 22/3/2016 đến 14/2/2017: Làm Thành viên thường trực HĐQT Công ty. + Từ ngày 14/2/2017 đến ngày 15/08/2017 là Chủ tịch HĐQT Công ty. + Từ ngày 15/08/2017 đến ngày 28/3/2018	100003873	10/01/2014	CA Quảng Ninh	430.586	1,15%	Trung Vương-Uông Bí-Quảng Ninh

			là Thành viên HĐQT Công ty						
5	Nguyễn Đình Tâm		+ TV HĐQT từ ngày 26/4/2015 đến ngày 18/8/2016. + Từ ngày 18/8/2016 đến 14/2/2017 là Chủ tịch HĐQT Công ty. + Từ ngày 14/2/2017 là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty	100437447	05/07/2007	CA Quảng Ninh	559.851	1,51%	Khu Vĩnh Trung, Tt Mạo Khê, Đông Triều Quảng Ninh
6	Đào Thị Đàm	058C023888	- TV HĐQT Công ty đến ngày 15/3/2016 -Từ ngày 15/3/2016 là Phó Chủ tịch HĐQT -Từ ngày 05/01/2018 là Phó Chủ tịch HĐQT, PTGD Công ty	141504175	1/8/2006	CA Hải Dương	2.792.953	7,51%	Minh Tân-Kinh Môn-Hải Dương
7	Phạm Thị Thế		+ Phó tổng giám đốc Công ty từ ngày 18/12/2017 + Từ ngày 28/03/2018 là Thành viên HĐQT, PTGD Công ty + Từ ngày 24/5/2018 là Thành viên HĐQT Công ty	141479076	cấp ngày 26/10/2005	Công an Hải Dương	0	0	Số nhà 38 Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghi, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
7	Phạm Văn Điện	058C167888	PTGD Công ty	100740561	13/05/2002	CA Quảng Ninh	0	0	C8 Ngõ 156 Lạc Trung, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng Hà Nội
8	Nguyễn Trường Giang	058C001435	- TV HĐQT Công ty, PTGD Công ty đến 31/3/2016. -Từ ngày 01/4/2016 đến ngày 18/8/2016 TV HĐQT Công ty, TGD Công ty + Từ ngày 18/8/2016, thành viên HĐQT, PTGD Công ty	100529623	21/10/2003	CA Quảng Ninh	1.300.326	3,50%	Số nhà 21, Lý Thường Kiệt, Thanh Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh
9	Vandara Din		- TV HĐQT Công ty từ ngày 19/06/2017	X1130426	ngày cấp :19/9/2016,	Thụy Sĩ	0	0	Chemin Jaques Attenville 14A,1218 Geneva, Thụy Sĩ

10	Phạm Quốc Hùng	058C258115	Phó Tổng Giám đốc Công ty	100619103	23/09/2010	CA Quảng Ninh	32.490	0,087%	T6,K11, Phường Thanh Sơn, Uông Bí, QN
11	Vũ Trọng Hiệt		Phó Tổng giám đốc Công ty	100582579	13/5/2005	CA Quảng Ninh	6.118	0,02%	Tổ 29a, khu 8, phường Quang Trung, Uông Bí, Quảng Ninh
12	Trần Quang Tịnh	058C225568	Trưởng Ban kiểm soát Công ty	100014416	3/3/2009	CA Quảng Ninh	14.791	0,04%	Quang Trung-Uông Bí-Quảng Ninh
13	Phạm Minh Tuyến		Thành viên BKS Công ty từ ngày 19/06/2017	022078000579	ngày cấp 20/5/2016	Cục Cảnh sát quản lý về dân cư	59.644	0,16%	Tổ 1b, khu 7, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
14	Hoàng Nam Long		Thành viên BKS Công ty từ ngày 19/06/2017	011827365	ngày cấp 3/10/2009	Hà Nội	0	0	Phòng 304-B5-Làng quốc tế Thăng Long, Cầu Giấy, Hà Nội
15	Nguyễn Ngọc Anh	058C001504	Kế toán trưởng Công ty	141970183	9/6/1997	CA Quảng Ninh	15.240	0,04%	Số nhà 16, Khu liên kết 28, San Hồ, Hùng Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh

*** Những thay đổi HĐQT, Ban Ban điều hành trong năm 2017 và tính đến ngày 08/06/2018:**

1. Ông Đỗ Hoàng Phúc:

+ Từ 28/03/2018: Được HĐQT Công ty bầu làm thành viên HĐQT Công ty và bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật Công ty.

+ Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật Công ty.

2. Ông Nguyễn Xuân Quế:

+ Từ ngày 19/06/2017 đến ngày 15/08/2017: Là Thành viên HĐQT Công ty.

+ Từ ngày 15/08/2017 đến ngày 12/12/2017: Là Chủ tịch HĐQT Công ty.

+ Từ ngày 12/12/2017 đến ngày 28/03/2018: Là Chủ tịch HĐQT Công ty và được HĐQT Công ty tạm giao thực hiện các quyền hạn, trách nhiệm của Tổng giám đốc điều hành Công ty.

+ Từ ngày 28/3/2018 đến ngày 24/05/2018: Là Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành Công ty.

+ Chức vụ hiện nay: Là thành viên HĐQT Công ty.

3. Ông Tô Ngọc Hoàng:

+ Từ ngày 24/2/2016 đến ngày 15/3/2016 là Thành viên HĐQT, Phó TGĐ Công ty Công ty;

+ Từ ngày 13/3/2016 đến ngày 18/8/2016 là Chủ tịch HĐQT Công ty;

+ Từ ngày 18/8/2016 đến ngày 12/12/2017 là Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty;

+ Từ ngày 12/12/2017 là Thành viên HĐQT Công ty.

+ Từ ngày 24/5/2018 là Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành Công ty.

+ Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành Công ty.

4. Ông Cao Quang Duyệt: Thôi đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty - Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng, kể từ ngày 15/03/2016.

+ Từ ngày 15/3/2016 đến ngày 19/06/2017 là Thành viên HĐQT Công ty.

+ Từ ngày 19/06/2017: Thôi là thành viên HĐQT Công ty.

+ Chức vụ hiện nay: Không.

5. Ông Đinh Đức Hiến:

+ Thành viên HĐQT Công ty, thôi giữ chức vụ Tổng giám đốc điều hành Công ty từ ngày 23/3/2016;

+ Từ ngày 23/3/2016 đến ngày 14/2/2017: Là Thành viên TT HĐQT Công ty;

+ Từ ngày 14/2/2017 đến ngày 15/08/2017: Là Chủ tịch HĐQT Công ty.

+ Từ ngày 15/08/2017 đến ngày 27/03/2018: Là thành viên HĐQT Công ty.

+ Chức vụ hiện nay: Không.

6. Bà Đào Thị Đàm:

+ Thành viên HĐQT Công ty;

+ Từ ngày 15/3/2016 là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty;

+ Từ ngày 05/01/2018 là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty kiêm Phó Tổng giám đốc phụ trách Kinh doanh Công ty.

+ Chức vụ hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty kiêm Phó Tổng giám đốc phụ trách Kinh doanh Công ty.

7. Ông Nguyễn Đình Tâm:

+ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

+ Từ ngày 18/8/2016 đến ngày 14/3/2017 giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty.

+ Từ ngày 15/2/2017 là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty.

+ Chức vụ hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty.

8. Ông Nguyễn Trường Giang: Thành viên HĐQT Công ty, Phó Tổng giám đốc Công ty:

+ Từ ngày 23/03/2016 đến ngày 18/8/2016: Là Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty.

+ Từ ngày 18/8/2016: Là Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty.

+ Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty, Phó Tổng giám đốc Công ty.

9. Ông Phạm Văn Điện:

+ Từ tháng 08/2009 đến ngày 19/06/2017: Thành viên HĐQT Công ty - Phó tổng giám đốc Công ty.

+ Từ ngày 19/06/2017: Là Phó Tổng giám đốc Công ty.

+ Chức vụ hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty.

10. Ông Vandara Din:

+ Từ ngày 19/06/2017: Là Thành viên HĐQT Công ty.

+ Chức vụ hiện nay: Là Thành viên HĐQT Công ty.

11. Bà Phạm Thị Thế:

+ Từ ngày 18/12/2017: Là Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính Công ty.

+ Từ ngày 28/03/2018 đến ngày 24/5/2018: Là Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính Công ty.

+ Từ ngày 24/5/2018: Là Thành viên HĐQT Công ty.

+ Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty

2.2 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

a) Cơ cấu lao động:

- Tổng số CBCNV-LĐ Công ty tính đến 31/12/2017: là 549 người, trong đó nữ 167 người;

- Tổng số CBCNV-LĐ các phòng ban trực thuộc Công ty tính tại ngày 05/06/2018 là: 512 người (nữ: 158 người).

+ Số CBCNV-LĐ tham gia BHXH, BHYT, BHTN là: 491 người thuộc diện phải tham gia BHXH bằng 95.90 %.

**** Phân loại trình độ:**

+ Thạc sỹ: 6 người, chiếm 1.17 % (nữ 1).

+ Đại học: 158 người, chiếm 30.86 % (nữ 46)

+ Công nhân kỹ thuật: 185 người, chiếm 36.13 % (nữ 45).

+ Lao động phổ thông: 82 người, chiếm 16.02 % (nữ 37).

**** Phân loại lao động:**

+ Lao động gián tiếp: 91 người, chiếm 17.77 % (nữ 33).

+ Lao động trực tiếp: 421 người, chiếm 82.23 % (nữ 125).

**** Về hợp đồng lao động:**

+ Hợp đồng không xác định thời hạn: 448 người, chiếm 87.5 %.

+ Hợp đồng xác định thời hạn: 48 người, chiếm 9.38 %.

+ Hợp đồng khoán/thời vụ/thử việc: 11 người, chiếm 2.15 %.

b) Chính sách đối với người lao động:

Công ty xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển, do vậy các cán bộ công nhân viên của Công ty đều được đào tạo đầy đủ, Công ty thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành, hàng năm tổ chức hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập, nâng cao trình độ tay nghề của công nhân lao động. Đối với cán bộ quản lý công ty tổ chức các lớp đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ và mời các chuyên gia có kinh nghiệm và giảng viên của các trường đại học lên lớp.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Trong năm qua trước tình hình kinh tế khó khăn, Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh cũng đã thu hẹp các mảng đầu tư, chủ yếu tập trung giải quyết những tồn đọng của các dự án còn dở dang.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

- Tình hình SXKD năm 2017, nhìn chung các Công ty con, Công ty liên kết đều gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh năm 2016 và 2017. (nguồn báo cáo tài chính riêng):

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm/ %
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	1.883.330.576.922	1.629.629.642.066	-13%
Doanh thu thuần	996.121.520.958	956.616.055.128	-4%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-70.076.113.735	-222.144.724.330	97%
Lợi nhuận khác	-4.045.774.416	-31.268.225.580	92%
Lợi nhuận trước thuế	-74.121.888.151	-253.412.949.910	97%
Lợi nhuận sau thuế	-74.121.888.151	-253.412.949.910	97%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,79	0,44	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	0,47	0,33	
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,93	0,96	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	14,19	27,27	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			

Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	3,12	8.16	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,53	0,59	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,074	-0,26	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0,6	-4,3	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,039	-0,15	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,07	-0,25	

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Quy mô vốn			
- Vốn điều lệ	184.511.090.000	371.811.090.000	
- Tổng tài sản có	1.883.330.576.922	1.629.629.642.066	
- Tỷ lệ an toàn vốn			
2. Kết quả hoạt động kinh doanh			
- Doanh số huy động tiền gửi			
- Doanh số cho vay			
- Doanh số thu nợ			
- Nợ quá hạn			
- Nợ khó đòi		16.036.268.720	
- Hệ số sử dụng vốn			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ		0,06	
3. Khả năng thanh khoản			

- Khả năng thanh toán ngay	0,008	0,002	
- Khả năng thanh toán chung	1,07	1,04	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (số liệu tính tại thời điểm ngày 06/03/2018)

a) *Vốn điều lệ/cơ cấu cổ đông tại thời điểm 06/03/2018:*

+ Vốn điều lệ: 371.811.090.000 đồng; Tổng số: 37.181.109 cổ phần.

+ Cổ phiếu quỹ: 68.000 cổ phần.

+ Cơ cấu cổ đông:

TT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CP SỞ HỮU	TỶ LỆ (%)
1	Cổ đông cá nhân trong nước	1.660	16.331.876	43,92%
2	Cổ đông cá nhân nước ngoài	11	24.206	0,06%
3	Cổ đông là tổ chức trong nước	34	14.995.329	40,33%
4	Cổ đông là tổ chức nước ngoài	2	5.829.698	15,67%
	Tổng cộng	1.707	37.181.109	100%

+ Cơ cấu cổ phần lưu ký:

TT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	ĐÃ LƯU KÝ		CHƯA LƯU KÝ	
		SỐ CP	TỶ LỆ (%)	SỐ CP	TỶ LỆ (%)
1	Cá nhân trong nước	12.329.697	33,16%	4.002.179	10,76%
2	Cá nhân nước ngoài	24.206	0,06%	0	0
3	Tổ chức trong nước	95.329	0,25%	14.900.000	40,07%
4	Tổ chức nước ngoài	5.829.698	15,67%	0	0
	Tổng cộng	18.278.930	49,16%	18.902.179	50,84%

+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần QNC của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát/Ban Tổng giám đốc/Kế toán trưởng Công ty:

☞ Tại thời điểm ngày 06/03/2018:

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ TẠI CÔNG TY	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN SỞ HỮU	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Xuân Quế	Chủ tịch HĐQT		
2	Đình Đức Hiền	TV HĐQT Công ty	430.586	1,16%
3	Tô Ngọc Hoàng	TV HĐQT Công ty		
4	Nguyễn Đình Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT	559.851	1,51%
5	Đào Thị Đàm	Phó Chủ tịch HĐQT, PTGD		
6	Nguyễn Trường Giang	TV. HĐQT, PTGD Công ty	1.300.326	3,49%
7	Phạm Văn Điện	TV. HĐQT, PTGD Công ty		
8	Phạm Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc Công ty	32.490	0,08%
9	VanDara Din	TV HĐQT Công ty		
10	Vũ Trọng Hiệt	Phó Tổng giám đốc Công ty	6.118	0,01%
11	Phạm Thị Thế	PTGD Công ty		
12	Trần Quang Tịnh	Trưởng Ban kiểm soát Công ty	14.791	0,03%
13	Phạm Minh Tuyến	Thành viên BKS Công ty	59.644	0,16%
14	Hoàng Nam Long	Thành viên BKS Công ty		
15	Nguyễn Ngọc Anh	Kế toán trưởng Công ty	15.240	0,04%

☞ Tại thời điểm ngày 01/04/2018:

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ TẠI CÔNG TY	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN SỞ HỮU	Tỷ lệ (%)
1	Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch HĐQT	1.729.647	4,65%
2	Nguyễn Xuân Quế	TV HĐQT, TGD Công ty		
3	Tô Ngọc Hoàng	TV HĐQT Công ty		
4	Nguyễn Đình Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT	559.851	1,51%
5	Đào Thị Đàm	Phó Chủ tịch HĐQT, PTGD		
6	Nguyễn Trường Giang	TV. HĐQT, PTGD Công ty	1.300.326	3,49%
7	Phạm Văn Điện	TV. HĐQT, PTGD Công ty		
8	Phạm Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc Công ty	32.490	0,08%
9	VanDara Din	TV HĐQT Công ty		
10	Vũ Trọng Hiệt	Phó Tổng giám đốc Công ty	6.118	0,01%
11	Phạm Thị Thế	TV HĐQT, PTGD Công ty		
12	Trần Quang Tịnh	Trưởng Ban kiểm soát Công ty	14.791	0,03%
13	Phạm Minh Tuyến	Thành viên BKS Công ty	59.644	0,16%
14	Hoàng Nam Long	Thành viên BKS Công ty		
15	Nguyễn Ngọc Anh	Kế toán trưởng Công ty	15.240	0,04%

**** Danh sách cổ đông nắm giữ từ 100.000 cổ phiếu QNC trở lên, tính tại thời điểm ngày 06/03/2018:**

TT	HỌ TÊN	SỐ ĐKSH	NGÀY CẤP	ĐỊA CHỈ	SỐ CP	TỶ LỆ
1	Linh Thế Quang	100730609	10/08/1997	11 Hoàng Hoa Thám, Mạo Khê, Đông Triều Quảng Ninh	110.090	0,30%
2	Phạm Thị Thuý Hà	182125879	13/05/2005	Nhà K Ngõ Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội	120.010	0,32%
3	Phạm Thị Thêu	013552724	31/05/2012	Số 5, ngách 33, ngõ 164 Hồng Mai, Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, HN	124.500	0,33%
4	Tạ Đức Thịnh	012754191	24/12/2004	20,203/22 Kim Ngưu Hà Nội	161.317	0,43%
5	Phạm Minh Tuấn	011360722	26/08/2011	A7+8, Lô Số 4, Khu Đô Thị Mới Định Công, Quận Hoàng Mai Hà Nội	161.423	0,43%
6	Vũ Thị Thu Hương	100671705	21/01/2009	D10, Lô 15, Khu DT Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	236.223	0,64%
7	Nguyễn Văn Ngọc	011714059	29/02/2008	SỐ 15A, NGÕ 49 ĐƯỜNG XUÂN LA, TÂY HỒ, HÀ NỘI	343.631	0,92%
8	Nguyễn Hữu Tường	100640024	28/05/2001	Tổ 5, Khu I, Phường Yên Thanh, Uông Bí Quảng Ninh	411.176	1,11%
9	Đình Đức Hiền	100003873	30/07/1998	Tổ 1 Khu 1 Trung Vương, Uông Bí Quảng Ninh	430.586	1,16%
10	Phạm Vũ Hà	100799103	28/07/2008	PHÒNG TO CHUC CTY CPNG VA XAY DUNG QUANG NINH XI MA	441.364	1,19%
11	Nguyễn Thị Thuý Chung	100968737	21/03/2005	Hạ Long Quảng Ninh	465.419	1,25%
12	Đặng Văn Thường	022079000040	18/07/2014	Số 16 Ngách 102 Phố Thịnh Liệt, Hoàng Mai Hà Nội	471.200	1,27%
13	Nguyễn Thị Nhân	011 830 727	03/10/2007	Số 14 N5 Khu đô thị Sài Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội.	500.000	1,34%
14	Đình Phạm Bảo Hoàng	100968577	02/01/2009	Khu 2, Trung Vương, Uông Bí Quảng Ninh	500.000	1,34%
15	Nguyễn Đình Tâm	100437447	05/07/2007	Khu Vĩnh Trung, Tt Mạo Khê, Đông Triều Quảng Ninh	559.851	1,51%
16	Cao Quang Duyệt	100626747	01/11/2004	Sn 376 Đường Quang Trung, Uông Bí Quảng Ninh	579.491	1,56%
17	Nguyễn Thái Dũng	183141191	16/03/2012	Số 5 Ngõ 126 Hoàng Văn Thái, Hà Nội	731.724	1,97%
18	Nguyễn Trường Giang	100529623	21/10/2003	Số 21 Lý Thường Kiệt, Thanh Sơn, Uông Bí Quảng Ninh	1.300.326	3,49%
19	Đỗ Hoàng Phúc	164262855	04/01/2008	Số 12, đường Trịnh Tú, Kim Đa Phường Ninh Khánh, Ninh Bình	1.729.647	4,65%
20	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hoàng Anh	0801193138	12/10/2016	Trụ sở chính Công ty tại Số nhà 08, Ngõ 12, Phố Phạm Thế Hiển, Tổ 28, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình	2.000.000	5,38%
21	Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành	0800289260	13/09/2013	Khu đô thị mới, thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	2.000.000	5,38%

22	Đào Thị Đâm	141504175	01/08/2006	Thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn Hải Dương	2.792.953	7,51%
23	Công ty TNHH Tô Tây	1001059456	12/10/2016	Trụ sở chính Công ty tại Số nhà 08, Ngõ 12, Phố Phạm Thế Hiển, Tổ 28, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình	2.900.000	7,80%
24	Công ty TNHH 1 Thành viên Thương mại và Dịch vụ Minh Phúc.	0800451266	23/03/2010	Châu Xá, xã Duy Tân, Huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	3.000.000	8,07%
25	Công ty Cổ phần Núi Rùa	5701670717	11/12/2017	Hợp Thành, Phường Phương Nam, Ưông Bí, Quảng Ninh	5.000.000	13,45%
26	KONEX LIMITED	CA9271	31/05/2016	FLAT/RM 1405, 14/F EASTERN COMMERCIAL CENTRE, 393-407 HENNESSY ROAD, WANCHAI, HONG KONG	5.816.998	15,65%
	TỔNG CỘNG				32.887.929	88,45%

b) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Ngày 23/3/2017 chào bán thành công 6.730.000 cổ phiếu, với tổng giá trị 67.300.000.000 đồng theo phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 thống nhất thông qua và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận tại văn bản 8627/UBCK-QLCB, ngày 30//12/2016 và văn bản số 1513/UBCK-QLCB, ngày 23/03/2017.

- Ngày 20/12/2017 đã thực hiện chào bán thành công 12.000.000 cổ phần, với tổng giá trị là 120 tỷ đồng theo phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thống nhất thông qua và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận tại văn bản 7518/UBCK-QLCB, ngày 03//11/2017 và văn bản số 8518/UBCK-QLCB, ngày 22/12/2017.

- Tính đến ngày 31/12/2017, tổng vốn điều lệ Công ty là 371.811.109.000 đồng, tương ứng với: 37.811.109 cổ phần.

c) *Giao dịch cổ phiếu quỹ*: tổng số cổ phiếu quỹ là 68.000 cổ phần; trong năm 2017, Công ty không thực hiện bất cứ giao dịch nào liên quan đến cổ phiếu quỹ.

d) *Các chứng khoán khác*: không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

a) *Quản lý nguồn nguyên vật liệu*:

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Sản phẩm chính của Công ty là Xi măng, trong năm qua lượng tiêu hao nguyên vật liệu được dùng để sản xuất Xi măng cụ thể như sau:

TT	Tên vật tư	ĐVT	Cộng		
			SL	TT	Đơn giá BQ
1	Đá vôi	tấn	942,350.25	17,749,597,811.29	18,835.46
2	Đá mặt+05	tấn	26,241.13	1,116,774,537.00	42,558.17
3	Đất sét	tấn	140,959.36	7,744,054,635.00	54,938.21
4	Đá nhiễm	tấn	47,340.77	8,986,096,395.00	189,817.28
5	Than	tấn	117,305.22	210,482,820,106.00	1,794,317.59

6	Than chất lượng thấp	tấn	7,357.91	2,876,273,241.00	390,909.00
7	Thạch cao	tấn	37,114.10	22,736,803,456.58	612,619.02
8	Đá silic	tấn	46,664.45	5,744,096,491.00	123,093.63
9	Đá xanh đen	tấn	78,141.91	7,938,379,985.49	101,589.28
10	Đá sun way		1,452.97	228,531,101.31	
11	Xi lò cao		641.40	146,064,098.00	
12	Tro bay	tấn	54,727.37	6,249,663,857.96	114,196.31
13	Tro đáy	tấn	6,385.87	669,269,550.00	104,804.76
14	Vỏ bao	Cái	2,879,324.00	14,969,289,684.00	5,198.89
	+ PC 30	Cái	2,013,839.00	10,227,252,061.00	5,078.49
	+ PC 40	Cái	865,485.00	4,742,037,623.00	5,479.05
	Cộng			307,637,714,950	

c) Tiêu thụ năng lượng:

TT	KL SX	ĐVT	Tổng sử dụng		
			SL	ĐGBQ	TT
1	SX Clinker	KW	59,772,006	1,456.20	87,040,140,920
2	Nghiền XM	KW	35,720,366	1,457.57	52,065,098,358
3	Đóng bao	KW	651,993	1,453.76	947,838,556
	TỔNG CỘNG		96,144,365		140,053,077,833

c) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Thực hiện Kế hoạch An toàn lao động, vệ sinh lao động năm 2017, Kế hoạch tổ chức Tuần lễ quốc gia An toàn, Vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, Kế hoạch phòng chống bão lụt, tìm kiếm cứu nạn, ứng phó các sự cố ... ngay từ đầu năm được sự quan tâm chỉ đạo của Ban lãnh đạo Đảng ủy, sự phối hợp chặt chẽ với chuyên môn và công đoàn các cấp, Thủ trưởng đơn vị, người sử dụng lao động, ban chỉ đạo các cấp thể hiện sự quan tâm, xác định rõ trách nhiệm trong việc triển khai, tổ chức thực hiện công tác AT-VSLĐ.

Công tác AT- VSLĐ, PCCN, bảo vệ môi trường luôn được chú trọng; nhận thức của các đơn vị, người sử dụng lao động và người lao động được nâng cao; Điều kiện lao động trong nhiều đơn vị được quan tâm đầu tư cải thiện, quyền và nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động về công tác AT- VSLĐ cơ bản được bảo đảm.

Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên. Quan tâm đến việc cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động để bảo vệ sức khỏe cho người lao động và phòng chống bệnh nghề nghiệp, số lao động làm việc tại các đơn vị có nhiều yếu tố nặng nhọc, độc hại được ưu tiên bồi dưỡng hiện vật ngay cả khi môi trường làm việc không có yếu tố vệ sinh vượt tiêu chuẩn cho phép.

Thực hiện đo kiểm môi trường lao động tại các đơn vị đầy đủ và thực hiện các giải pháp hữu ích nhằm cải thiện môi trường làm việc cho người lao động.

Người lao động bị tai nạn lao động đều được Công ty và đơn vị kịp thời quan tâm chữa trị, thăm hỏi động viên ... giảm thiểu rủi ro do tai nạn lao động cho người lao động.

Hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác An toàn - vệ sinh lao động; Công tác kiểm tra được tập trung chỉ đạo thống nhất như: kiểm tra toàn diện, kiểm tra đột xuất. Công ty thành lập đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra chi tiết các đơn vị trực thuộc

Mạng lưới AT- VSV gồm 51 người, 280 người lao động được cấp thẻ an toàn làm nghề, công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn - vệ sinh lao động;

Năm 2017, môi trường khu vực Lam Thạch đó được cải thiện rõ rệt, thủ trưởng đơn vị cũng như người lao động ý thức được trách nhiệm bảo vệ môi trường. Các hệ thống lọc bụi được chạy liên tục trong suốt thời gian hoạt động của dây chuyền và thường xuyên duy tu bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời. đặc biệt quan tâm đến việc chống bụi và xử lý bụi trong quá trình sản xuất, đảm bảo không để lượng khói bụi lớn thải ra môi trường.

Các biện pháp hỗ trợ khác cũng được sử dụng như: Che chắn kín các kho nguyên liệu; tổ chức dọn vệ sinh công nghiệp thường xuyên nơi làm việc, nhà xưởng, kho tàng bến bãi, vệ sinh công nghiệp sau mỗi ca sản xuất; duy trì phun nước trên các tuyến đường đi lại; trồng và chăm sóc cây xanh...Chất thải nguy hại được thu gom lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo quy định...

d) Chính sách liên quan đến người lao động:

Thu nhập bình quân toàn Công ty đạt 7,9 triệu đồng/người/tháng. Thu nhập cao nhất là 20,3 triệu đồng/người/tháng, thu nhập thấp nhất là 5,1 triệu đồng/người/tháng.

+ Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt các quy chế, các nội quy, quy định của doanh nghiệp; ký kết và thực hiện thỏa ước lao động tập thể theo Bộ luật lao động; thực hiện đầy đủ chế độ BHXH, BHYT, BHTN.

+ Phân bổ kinh phí thăm quan nghỉ mát hè năm 2017 cho các đơn vị trực thuộc Công ty đảm bảo tỷ lệ 40% tổng số lao động có mặt tại thời điểm theo thỏa ước lao động tập thể với tổng số tiền 236 triệu đồng.

+ Chi chế độ cho CNVCLĐ Công ty nhân ngày Tết dương lịch, Ngày 30/4 & 1/5 và ngày Quốc khách 2/9, (500.000 đồng/người/dịp Lễ), với tổng số tiền gần 800 triệu đồng.

+ Hỗ trợ bổ sung tết năm 2017 cho CBCNLĐ bình quân 2.760.000đ/người, CNLĐ phải làm việc trong dịp tết được Công ty chi trả 200-300% tiền lương và vật chất để đón xuân.

+ Thực hiện xây dựng hệ thống thang bảng lương theo quy định của Luật lao động 2012 và Nghị định 49/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ.

- Thường xuyên duy trì mức ăn ca công nghiệp, đảm bảo chất lượng, định lượng cho người lao động (Công ty thực hiện chi 100% tiền ăn ca, ăn công nghiệp cho CBCNV-LĐ, với mức ăn 15.000 đồng/bữa/người, người lao động không phải đóng góp tiền ăn ca, đối với cán bộ quản lý và CBCNV-LĐ nhà xa được bố trí ăn sáng miễn phí tại Bếp ăn Công ty với mức ăn 15.000đ/người/bữa).

e) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Công tác đền ơn, đáp nghĩa, nhân đạo từ thiện, ủng hộ hỗ trợ được quan tâm, trong đó ủng hộ hỗ trợ sản phẩm xi măng Lam Thạch cho xã thôn nghèo của Tỉnh với tổng giá trị: 395 triệu đồng.

f) Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường xanh:

Công ty luôn ý thức việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm hàng đầu. Công tác giảm thiểu ô nhiễm môi trường được quan tâm. Căn cứ vào tình hình thực tế, đặc thù công việc của các đơn vị trong Công ty. Bên cạnh giải pháp công nghệ và trang bị xử lý khí thải, bụi... Công ty đã có các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc và môi trường xung quanh.

Đẩy mạnh việc sử dụng công nghệ sạch và trang bị các phương tiện xử lý, ngăn ngừa ô nhiễm cho phù hợp. Khuyến khích các quá trình cải tiến công nghệ liên tục.

Căn cứ vào yêu cầu pháp luật để thực thi nhiệm vụ bảo vệ môi trường: Xây dựng các quy định về bảo vệ môi trường riêng, thiết lập và xây dựng năng lực bộ phận quản lý môi trường.

Trang cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân, phương tiện làm việc cho người lao động đang làm việc tại những vị trí ô nhiễm có bảo hộ đặc thù: Khẩu trang, găng tay, ủng cao su, mặt nạ phòng độc...

Tuyên truyền thường xuyên công tác bảo vệ môi trường. Phối hợp với nhân dân địa phương, cơ quan đơn vị trên địa bàn cùng thực hiện bảo vệ môi trường bằng các biện pháp: Giám sát môi trường, trồng cây xanh, nạo vét, xúc dọn các hệ thống rãnh thoát nước... Phòng chống tai nạn rủi ro môi trường: áp dụng các biện pháp quản lý, thực tập các giải pháp xử lý sự cố...

Từ tháng 04/2017 Công ty triển khai Kế hoạch ngày tổng vệ sinh môi trường định kỳ hàng tháng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2017):

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua, Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện mục tiêu phương hướng, cùng với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể CBCNV, năm 2017 hoạt động sản xuất kinh doanh của QNC cơ bản ổn định và giữ vững, tuy nhiên nhiều chỉ tiêu chưa đạt so với kế hoạch năm và thấp so với cùng kỳ.

- Tập trung vào các sản phẩm chính như: sản xuất xi măng, mạt than, đá; hoàn thiện hạ tầng dự án Yên Thanh.

- Giá nguyên liệu đầu vào cho sản xuất tăng cao, dây truyền thiết bị vào kỳ sửa chữa lớn, chi phí tài chính nhiều, nguyên liệu chính cho sản xuất xi măng như than, đá chưa đảm bảo chất lượng, trong năm Công ty có sự thay đổi lớn về nhân sự quản lý cấp cao, bên cạnh cơ cấu lại bộ máy tổ chức quản lý.

2. Tình hình tài chính:

a) Các công ty con, công ty liên kết:

- Tình hình SXKD và tình hình tài chính năm 2017 các công ty con

Đ.v tính: đồng

Chỉ tiêu	Công ty Cổ phần thương mại Sông Sinh <i>DVT: đồng</i>
Tổng giá trị tài sản	3,761,977,617
Doanh thu thuần	1,495,146,641
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	61,376,988
Lợi nhuận khác	-13,292,730
Lợi nhuận trước thuế	48,084,258
Lợi nhuận sau thuế	35,808,860

- Tình hình đầu tư vào các Công ty liên kết 2017: Công ty QNC có hai Công ty Liên kết là:

+ Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng Uông Bí: tỷ lệ vốn 35,7 % (3,57 tỷ đồng trên vốn điều lệ 10 tỷ đồng): năm 2017 hoạt động của Công ty liên kết lỗ, do vậy làm giảm giá trị đầu tư góp vốn còn 3,374,868,507, (giảm 195,131,493 đồng)

+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng An Khang: tỷ lệ vốn 40 % (2 tỷ đồng trên vốn điều lệ 5 tỷ đồng): năm 2017 hoạt động của Công ty liên kết lỗ, do vậy làm giảm giá trị đầu tư góp vốn còn 1,913,158,798 đồng (giảm 86,841,202 đồng)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Thực hiện tái cơ cấu nguồn vốn chuyển đổi mô hình quản lý chi nhánh Xi nghiệp Than Uông Bí thành Công ty cổ phần Xi nghiệp Than Uông Bí, Xi nghiệp khai thác và kinh doanh than Đông Triều thành Công ty Cổ phần sản xuất Đông Triều, sắp xếp lại nhân lực quản lý, chuyển đổi mô hình hoạt động đối với nhà máy Xi măng Lam Thạch và Nhà máy Xi măng Lam Thạch II về một cấp thành Khô sản xuất xi măng. Hiện nay Công ty đang quản lý điều hành SXKD theo mô hình tư bản tư nhân.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Với mục tiêu đổi mới mô hình quản trị, chủ động khắc phục khó khăn, linh hoạt, quyết liệt trong chỉ đạo điều hành và tổ chức sản xuất, tranh thủ sự quan tâm giúp đỡ của các cấp chính quyền và sở ban ngành, đồng sức đồng lòng của tập thể CBCNV-LĐ trong toàn Công ty, tập trung phấn đấu thực hiện tốt kế hoạch nhiệm vụ SXKD năm 2017 cũng như chiến lược phát triển Công ty theo hướng bền vững.

☞ Về chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2018:

TT	NỘI DUNG	ĐV	KẾ HOẠCH
I.	Các chỉ tiêu XSKD năm 2018		
1	Nung Clinker	Tấn	768.950
2	Nghiền xi măng các loại	Tấn	728.000
3	Tiêu thụ sản phẩm Clinker + Xi măng các loại	Tấn	1.030.800
*	Tiêu thụ xi măng PC40	Tấn	300.000
*	Tiêu thụ xi măng PCB40	Tấn	155.000
*	Tiêu thụ xi măng PCB30	Tấn	93.800
*	Tiêu thụ xi măng PCB30 GC	Tấn	180.000
*	Tiêu thụ Clinker	Tấn	302.000
4	Than giao thầu Vàng Danh	Tấn	60.000
5	Than khai thác và chế biến của XNT Uông Bí	Tấn	70.000
6	Sản xuất đá các loại (vào Nhà máy + bán ngoài)	M3	1.300.000
II.	Doanh thu	Đ	950.000.000.000
1	Doanh thu xi măng các loại	Đ	710.000.000.000
2	Doanh thu khai thác than	Đ	118.000.000.000
*	Doanh thu KT than giao thầu Vàng Danh	Đ	48.000.000.000,0
*	Doanh thu khai thác than (XNT)	Đ	70.000.000.000
3	Doanh thu khai thác đá	Đ	79.000.000.000

4	Doanh thu Hạ tầng và KCN	Đ	33.000.000.000
5	Doanh thu khác	Đ	10.000.000.000
6	Nộp ngân sách	Đ	30.000.000.000
7	Thu nhập bình quân người/tháng	Đ	7.000.000
8	Lợi nhuận trước thuế	Đ	1.000.000.000

☞ **Một số nhiệm vụ khác:**

1. Đối với Khối sản xuất xi măng và clinke:

+ Tập trung mọi nguồn lực, triển khai nhiều giải pháp quyết liệt, đồng bộ đối với hoạt động sản xuất Xi măng, tăng sản lượng, ổn định chất lượng, tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

+ Xây dựng phương án sản xuất đảm bảo phù hợp với năng lực dây truyền thiết bị hiện có, sản xuất đến đâu tiêu thụ hết, cơ cấu sản phẩm tiêu thụ xi măng đạt trên 80% trở lên.

+ Chủ động nguồn nguyên liệu hiện có của Công ty phục vụ cho sản xuất, ngoài ra sẽ tìm kiếm, lựa chọn những nguyên liệu giá rẻ, chất lượng đảm bảo, ổn định cho sản xuất.

+ Kiểm soát, quản lý vật tư nguyên nhiên liệu đầu vào, tiết kiệm chi phí, nâng cao năng lực thiết bị.

+ Xây dựng chính sách giá bán linh hoạt;

2. Đối với đầu tư hạ tầng và kinh doanh KCN:

- Đối với các Dự án hạ tầng còn nguồn thu sẽ tập trung triển khai tiếp: Dự án Yên Thanh giai đoạn II, Cẩm Bình, Cẩm Thủy.

- Ngoài ra hoàn thiện và đóng các dự án như: Đồi lấp ghép, Khu dân cư Phương Nam, Khu TĐC KCN.

- Triển khai đầu tư, quản lý, vận hành, kinh doanh KCN Cái Lân và Bãi đỗ xe phục vụ khu công nghiệp Cái Lân và cảng Cái Lân theo Quyết định của UBND tỉnh và các cơ quan ban ngành đã phê duyệt.

- Thực hiện chuyển nhượng các dự án như dự án khu đô thị Đông Yên Thanh giai đoạn 2 và dự án trung tâm Thương mại Cầu Sến, dự án khu tự xây CBCNV Nhà máy Xi măng Hà Tu và một số dự án hạ tầng liên quan khác...

3. Khối khai thác và chế biến than:

+ Nghiên cứu mô hình quản lý và sản xuất cho phù hợp, đưa nguồn than chất lượng, nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu cho sản xuất Xi măng, đồng thời đóng góp vào doanh thu của Công ty.

4. Đối với hoạt động tài chính:

+ Xem xét lựa chọn tập trung hợp tác với một số ngân hàng chính để giao dịch, tận dụng các dịch vụ nhằm giảm chi phí tài chính hàng năm.

+ Tập trung triển khai đàm phán được với các tổ chức tín dụng để tiếp tục duy trì hạn mức và giảm lãi suất cho vay (cả dư nợ cũ và phát sinh mới).

+ Đề nghị các ngân hàng hỗ trợ tài chính cho Công ty, ưu tiên sử dụng gói ưu đãi (nếu có). Sử dụng các gói sản phẩm phái sinh bằng ngoại tệ hoặc VNĐ khi có nguồn ngoại tệ xuất khẩu.

+ Tiếp tục tập trung thực hiện tái cơ cấu nguồn vốn để giảm bớt tình trạng mất cân đối.

5. Đối với lĩnh vực quản lý tài nguyên khoáng sản:

+ Tập trung đủ nguồn nguyên liệu cho sản xuất, ngoài ra hoàn tất thủ tục cấp phép bán đá phi nguyên liệu, đóng góp doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

+ Tập trung hoàn tất thủ tục khai thác Giấy phép mỏ sét Núi Na và giấy phép bán đá phi nguyên liệu tại mỏ đá Núi Rùa.

+ Rà soát tổng thể đất đai hiện có của Công ty, có phương án quản lý, sử dụng, chuyển đổi mục đích sử dụng, hoặc chuyển nhượng một cách hiệu quả, đồng thời làm thủ tục trả lại những diện tích đất không có nhu cầu sử dụng nhằm tiết giảm tiền thuê đất.

+ Đối với mỏ đá Hà Phong: Thống nhất chủ trương dùng hợp đồng chuyển nhượng với đối tác, đánh giá hiệu quả kinh tế lại mỏ để xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, hoàn thiện thủ tục gia hạn và tổ chức khai thác sản xuất.

6. Nhiệm vụ khác:

+ Đổi mới mô hình quản trị Công ty;

+ Nghiên cứu phương án phát hành cổ phiếu nâng vốn điều lệ tăng vốn điều lệ thêm từ 200 tỷ đến 300 tỷ đồng.

+ Rà soát, sắp xếp, lại tổng thể mô hình bộ máy tổ chức và nhân lực; xây dựng cải cách các quy chế, quy định về quản lý, điều hành, quy chế tiền lương... của Công ty, đảm bảo tinh gọn bộ máy, nhân lực, nâng cao hiệu quả, tiết giảm chi phí, phù hợp với yêu cầu SXKD thực tế của Công ty.

+ Thực hiện rà soát, đánh giá, sắp xếp, bố trí lại lao động tại các phòng ban/phân xưởng/đơn vị trực thuộc Công ty và triển khai thực hiện phương án giải quyết lao động dôi dư (nếu có).

+ Triển khai phương án đầu tư chuyển đổi dây chuyền và mặt bằng Nhà máy Xi măng Lam Thạch 1 thành dây chuyền sản xuất vôi bao.

+ Triển khai Dự án đầu tư cải tạo ao đầm nuôi trồng thủy hải sản tại khu vực hành lang an toàn nổ mìn mỏ đá Phương Nam, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

☞ Giải pháp tổ chức thực hiện:

+ Triển khai các giải pháp tiết kiệm chi phí, nhằm hạ giá thành, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm, chú trọng công tác phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tiến công nghệ nhằm tăng năng suất, ổn định chất lượng sản phẩm.

+ Tập trung đồng bộ, linh hoạt trong công tác chỉ đạo điều hành quản lý, rà soát bố trí sắp xếp, cơ cấu tổ chức, phân công phân nhiệm phù hợp với trình độ chuyên môn và tính chất công việc, chú trọng công tác đào tạo và đạo tạo lại nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

+ Xây dựng và triển khai các biện pháp quản lý và sử dụng thiết bị máy móc, dây chuyền sản xuất, kỹ thuật công nghệ phù hợp. Rà soát, điều chỉnh áp dụng các định mức chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp và kịp thời, sát với tình hình thực tế, đảm bảo hiệu quả kinh tế cao nhất.

+ Tìm kiếm lựa chọn, cung ứng và quản lý tốt nguyên nhiên liệu, vật tư đầu vào đưa tiêu chí tiết kiệm vật tư nguyên nhiên liệu, năng lượng trong sản xuất lên hàng đầu, nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả, giảm chi phí trên từng công đoạn từ cung ứng, sản xuất, lưu thông đến tiêu thụ. Bảo đảm chất lượng sản phẩm, chú trọng công tác tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là xuất khẩu xi măng và clinke.

+ Nâng cao hiệu quả ở các lĩnh vực trọng tâm như: Xi măng, Than; Đá, lĩnh vực xây lắp và các thi công các dự án kinh doanh hạ tầng ...

+ Tranh thủ sự quan tâm giúp đỡ và tạo điều kiện của các cấp chính quyền và các Sở ban ngành, tăng cường công tác phối kết hợp giữa chuyên môn với các tổ chức đoàn thể và các phòng ban đơn vị trong Công ty.

+ Quan tâm công tác an toàn lao động, công tác môi trường, công tác quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn hệ thống ISO 9001-2015. Thực hiện tốt công tác quản lý và sử dụng và bảo vệ tài nguyên một cách có hiệu quả.

+ Cập nhật và vận dụng kịp thời các cơ chế chính sách, chế độ của Nhà nước trên các mặt công tác, từ đó có những giải pháp phù hợp, đem lại hiệu quả cao nhất.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2017:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Tình hình kinh tế chung của cả nước trong năm 2017 tiếp tục có những khó khăn, dẫn đến ảnh hưởng đến hoạt động và kết quả SXKD của Công ty. Nhiều chỉ tiêu SXKD của Công ty đã không hoàn thành so với kế hoạch, Nhưng nhờ sự nỗ lực, năng động của Ban điều hành và toàn thể CBCNV-LĐ, tất cả các khoản thu chi đều minh bạch, lành mạnh, hợp pháp và ghi chép đầy đủ, rõ ràng trong sổ sách kế toán, ngoài ra Công ty còn tham gia các hoạt động xã hội, vì cộng đồng và công tác giáo dục tư tưởng cho CBCNV-LĐ thực hiện tốt, bên cạnh đó công tác bảo vệ về môi trường, vệ sinh an toàn lao động, các chính sách chăm lo đến quyền lợi cho người lao động được quan tâm và chấp hành đúng quy định, qua các đợt kiểm tra các mặt hoạt động tại Công ty của các cơ quan chức năng đều được đánh giá cao.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

Năm 2017, Ban Tổng giám đốc Công ty đã có sự chỉ đạo, điều hành sát sao các mặt hoạt động của Công ty, đảm bảo mục tiêu mà HĐQT đưa ra, Ban Tổng giám đốc đã có những báo cáo kịp thời lên HĐQT Công ty để đưa ra các điều chỉnh về chiến lược khi tình hình thị trường có sự chuyển biến mới.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh gồm tính tại thời điểm ngày 31/12/2017:

1. Ông: Nguyễn Xuân Quế: Chủ tịch HĐQT Công ty; và là Người được HĐQT tạm giao các quyền hạn, trách nhiệm của Tổng giám đốc điều hành Công ty.
2. Bà: Đào Thị Đàm: Phó chủ tịch HĐQT Công ty;
3. Ông: Nguyễn Đình Tâm: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty;
4. Ông: Đinh Đức Hiền: Thành viên HĐQT Công ty;
5. Ông: Tô Ngọc Hoàng: Thành viên HĐQT Công ty;
6. Ông: Nguyễn Trường Giang: Thành viên HĐQT; Phó TGD Công ty.
7. Ông: VanDara Din: Thành viên HĐQT Công ty.

Danh sách Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh gồm tính tại thời điểm ngày 01/04/2018:

1. Ông: Đỗ Hoàng Phúc: Chủ tịch HĐQT Công ty;
2. Ông: Nguyễn Xuân Quế: TV. HĐQT, Tổng giám đốc điều hành Công ty.
3. Bà: Đào Thị Đàm: Phó chủ tịch HĐQT, Phó TGD phụ trách KD Công ty;
4. Ông: Nguyễn Đình Tâm: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty;
5. Ông: Phạm Thị Thế: TV. HĐQT Công ty, P.TGD phụ trách Tài chính;
6. Ông: Tô Ngọc Hoàng: Thành viên HĐQT Công ty;

7. Ông: Nguyễn Trường Giang: Thành viên HĐQT; Phó TGD Công ty.

8. Ông: VanDara Din: Thành viên HĐQT Công ty.

* Số lượng và tỷ lệ nắm giữ cổ phần của từng thành viên Hội đồng quản trị Công ty:
 ⇨ *Tính tại thời điểm ngày 31/12/2017:*

Họ và tên	Số CP nắm giữ		Tổng cộng số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
	Nhà nước	Cá nhân		
1. Ông. Nguyễn Xuân Quế	0	0	0	0
2. Ông. Tô Ngọc Hoàng	0	0	0	0
3. Bà. Đào Thị Đàm	0	2.792.953	2.792.953	7,51
4. Ông. Đinh Đức Hiền	0	430.586	430.586	1,16
5. Ông. Nguyễn Đình Tâm	0	559.851	559.851	1,51
6. Ông. Nguyễn Trường Giang	0	1.300.326	1.300.326	3,50
7. Ông. Vandara Din	0	0	0	0
TỔNG CỘNG			5.083.718	13,67%

⇨ *Tính tại thời điểm ngày 01/04/2018:*

Họ và tên	Số CP nắm giữ		Tổng cộng số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
	Nhà nước	Cá nhân		
1. Ông. Đỗ Hoàng Phúc		1.729.647	1.729.647	4,65
2. Ông. Nguyễn Xuân Quế	0	0	0	0
3. Ông. Tô Ngọc Hoàng	0	0	0	0
4. Bà. Đào Thị Đàm	0	2.792.953	2.792.953	7,51
5. Bà. Phạm Thị Thế	0	430.586	430.586	1,16
6. Ông. Nguyễn Đình Tâm	0	559.851	559.851	1,51
7. Ông. Nguyễn Trường Giang	0	1.300.326	1.300.326	3,50
8. Ông. Vandara Din	0	0	0	0
TỔNG CỘNG			6.813.365	18,01%

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc: Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban Tổng giám đốc về việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết và quyết định của HĐQT, xây dựng các đề án, dự án kinh doanh... Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban Tổng giám đốc, theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD, thông qua các báo cáo, văn bản....

Năm 2017, HĐQT Công ty đã luôn chủ động phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành trong quá trình chỉ đạo của Ban Tổng giám đốc, luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban Tổng giám đốc hoàn thành nhiệm vụ.

- Giám sát công tác chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, đồng thời Chủ tịch HĐQT tham gia các cuộc họp

giao ban sản xuất Quý, năm với Ban Tổng giám đốc và các phòng ban, đơn vị để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp.

- Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh được kiểm tra, giám sát nhằm hạn chế rủi ro một cách tốt nhất.

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 được tổ chức vào ngày 19/06/2017 theo quy định.

- Ban hành kịp thời các Nghị quyết, quyết định, văn bản thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT.

- Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung theo Nghị quyết HĐQT, đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch, nhiệm vụ đã được HĐQT thông qua.

***Các nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2017:**

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	SỐ:12/NQ-HĐQT	14/02/2017	<p>1. Chấp thuận đề nghị thôi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh của Ông Nguyễn Đình Tâm theo nguyện vọng cá nhân xin từ chức, kể từ 15/02/2017.</p> <p>2. Thống nhất bầu Ông Đinh Đức Hiền: Ủy viên thường trực HĐQT Công ty giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty - Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh, kể từ ngày 15/02/2017.</p> <p>3. Thống nhất bầu Ông Nguyễn Đình Tâm: Ủy viên HĐQT Công ty giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh, kể từ ngày 15/02/2017.</p> <p>4. Toàn bộ nội dung liên quan đến thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh sẽ được Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định và trình Đại hội đồng cổ đông trong phiên họp gần nhất.</p> <p>5. Liên quan kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất thực hiện theo đúng:</p> <p>+ Phương án phát hành số 139/TT/HĐQT-QNCC ngày 31/10/2016 đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua theo nội dung Nghị quyết số: 151/NQ-ĐHCD ngày 15/11/2016.</p> <p>+ Công văn số 8627/UBCK-QLCB ngày 30/12/2016 của Ủy ban Chứng khoán về việc hồ</p>

			<p>sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của QNC. + Các tổ chức/cá nhân đã đăng ký mua cổ phần tăng vốn điều lệ thực hiện nộp tiền mua cổ phần đúng quy định.</p>
2	SỐ:19/NQ-HĐQT	22/02/2017	<p>1. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 (Theo biểu đính kèm).</p> <p>2. HĐQT Công ty đồng ý vay vốn ngắn hạn hạn mức tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ninh để phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2017, số tiền 120.000.000.000đ <i>Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng.</i> (Bao gồm cả số dư nợ ngắn hạn hiện còn tại Ngân hàng Nông nghiệp CN Bãi Cháy, dư nợ này sẽ được giảm dần và chuyển sang giải ngân tại Ngân hàng Nông nghiệp Tỉnh Quảng Ninh).</p> <p>3. Phương án tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay: - Đồng ý dùng các tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh để thế chấp, bao gồm: + Nhà văn phòng làm việc của Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh - Xí nghiệp than Uông Bí tại xã Phương Đông, Thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận QSD đất số BE 326669 do UBND Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 20/09/2011, số vào sổ cấp GCN: CT 00439 (Thửa số 27, tờ bản đồ số 01, diện tích 11.167,6 m²) + Dây truyền số 1 - Nhà máy xi măng Lam Thạch II bao gồm toàn bộ nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc thiết bị của dây chuyền sản xuất xi măng theo công nghệ lò quay, công suất 1.200 tấn clinker/ngày được xây dựng trên diện tích đất 104.662,8m² tại xã Phương Nam, Uông Bí, Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ405634 do UBND Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 10 tháng 12 năm 2004, số vào sổ 1300 QSDĐ. Tài sản này hiện đang thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT CN Bãi Cháy. Công ty cam kết sau khi hoàn trả xong các khoản nợ tại CN Bãi Cháy, toàn bộ tài sản của Dây truyền 1 - Nhà máy xi măng Lam Thạch II sẽ được chuyển sang thế chấp cho khoản vay hạn mức của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ninh.</p>

			<p>- Thống nhất đề nghị Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ninh cho vay một phần không có tài sản bảo đảm.</p> <p>4. Thống nhất ủy quyền cho:</p> <p>- Ông Đinh Đức Hiền - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ký Hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ninh.</p> <p>- Ông Tô Ngọc Hoàng - Tổng giám đốc Công ty ký Hợp đồng tín dụng hạn mức, Giấy nhận nợ và các hồ sơ khác liên quan đến thủ tục vay vốn, nhận nợ tiền vay và trả nợ tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ninh.</p>
3	SỐ:19A/NQ-HĐQT	22/02/2017	<p>1. HĐQT Công ty đồng ý vay vốn ngắn hạn hạn mức tại Ngân hàng TMCP Quân Đội Chi nhánh Quảng Ninh để phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2017, số tiền 45.000.000.000đ <i>Bằng chữ: Bốn mươi năm tỷ đồng.</i></p> <p>2. Phương án tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay:</p> <p>- Đồng ý dùng các tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh để thế chấp với ngân hàng</p> <p>3. Thống nhất ủy quyền cho:</p> <p>- Ông Đinh Đức Hiền - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ký Hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng TMCP Quân Đội Chi nhánh Quảng Ninh.</p> <p>- Ông Tô Ngọc Hoàng - Tổng giám đốc Công ty ký Hợp đồng tín dụng hạn mức, Giấy nhận nợ và các hồ sơ khác liên quan đến thủ tục vay vốn, nhận nợ tiền vay và trả nợ tại Ngân hàng TMCP Quân Đội Chi nhánh Quảng Ninh.</p>
4	SỐ:19B/NQ-HĐQT	22/02/2017	<p>1. HĐQT Công ty đồng ý vay vốn ngắn hạn hạn mức tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh để phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2017, số tiền 62.000.000.000đ <i>Bằng chữ: Sáu hai tỷ đồng chẵn.</i></p> <p>2. Phương án tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay:</p> <p>- Đồng ý dùng các tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh để thế chấp với ngân hàng</p> <p>a) Thế chấp tài sản là Quyền khai thác tài nguyên đá vôi theo Giấy phép hoạt động khoáng sản số 1168/GP-BTNMT do Bộ tài nguyên và</p>

			<p>môi trường cấp ngày 20/06/2011</p> <p>b) Thế chấp tài sản là Công trình: Nhà làm việc – Trung tâm siêu thị và kinh doanh dịch vụ theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 462202 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 20/07/2012.</p> <p>3. Thống nhất ủy quyền cho:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ông Đinh Đức Hiền - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ký Hợp đồng thế chấp tài sản và các hồ sơ liên quan đến thế chấp tài sản với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh - Ông Tô Ngọc Hoàng - Tổng giám đốc Công ty ký Hợp đồng tín dụng hạn mức, Giấy nhận nợ và các hồ sơ khác liên quan đến thủ tục vay vốn, nhận nợ tiền vay và trả nợ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh.
5	SỐ:19C/NQ-HĐQT	22/02/2017	<p>1. Đồng ý sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay của Dự án đầu tư, cải tạo, nâng cấp dây chuyền 2 Nhà máy Xi măng Lam Thạch II để thế chấp tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh.</p> <p>2. Thống nhất ủy quyền cho Ông Đinh Đức Hiền - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ký Hợp đồng thế chấp tài sản Dự án đầu tư, cải tạo, nâng cấp dây chuyền 2 Nhà máy Xi măng Lam Thạch II với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh.</p>
6	SỐ:20/NQ-HĐQT	27/02/2017	<p>1. Thống nhất đưa mô hình Công ty CP Xi nghiệp than Uông Bí vào hoạt động, tỷ lệ góp vốn của Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC) vào Công ty Cổ phần Xi nghiệp than Uông Bí gồm: giá trị dự án mỏ than khối Nam Đông Tràng Bạch mà Công ty QNC đã đầu tư gồm: hạng mục nâng cấp tuyến đường, cầu qua suối, công trình cấp nước sinh hoạt mỏ than Đông Tràng Bạch và tuyến đường điện 22kv.</p> <p>2. Thống nhất thành lập Ban chỉ đạo để thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý liên quan đến chuyển đổi mô hình hoạt động của Xi

nghiệp than Ưng Bí sang hoạt động Công ty cổ phần (Công ty Cổ phần Xi nghiệp than Ưng Bí) và hoàn tất giải thể Xi nghiệp than Ưng Bí theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

+ Hoàn thiện cơ chế, thủ tục, hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh và Công ty Cổ phần Xi nghiệp than Ưng Bí để đưa toàn bộ than về Nhà máy Xi măng Lam Thạch II để phục vụ sản xuất Xi măng.

Thời gian thực hiện xong trước ngày 31/03/2017.

3. Thống nhất thay đổi người đại diện quản lý vốn góp của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh tại Công ty Cổ phần Xi nghiệp than Ưng Bí, kể từ ngày 01/03/2017 như sau:

+ Người đại diện cũ: Ông Phạm Quốc Hùng: Phó Tổng giám đốc Công ty;

+ Người đại diện thay thế: Ông Nguyễn Đình Tâm: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty.

4. Liên quan đến công việc, nhiệm vụ tiếp theo của Ông Phạm Quốc Hùng: Phó Tổng giám đốc Công ty sẽ do Tổng giám đốc Công ty bố trí, phân công.

5. Liên quan đến công tác quản lý và tổ chức khai thác sản xuất mỏ đá vôi Phương Nam 1.

1. Hội đồng quản trị Công ty thống nhất:

+ Thành lập Đội khai thác mỏ đá Phương Nam 1 trực thuộc Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh, nhiệm vụ là quản lý, khai thác sản xuất, vận chuyển đá của mỏ đá Phương Nam 1 cấp cho sản xuất Xi măng.

+ Giao Tổng giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện, xây dựng phương án tổ chức sản xuất (liên quan đến nhân lực, máy móc thiết bị xem xét thống nhất với Công ty Cổ phần Núi Rùa điều chuyển nhân lực, chuyển nhượng thiết bị máy móc theo nhu cầu sản xuất), thời gian hoàn tất thủ tục, bố trí, sắp xếp nhân lực, thiết bị máy móc, phương án sản xuất trong tháng 3/2017, tổ chức nổ mìn khai thác sản xuất đá cấp cho sản xuất Xi măng kể từ ngày 01/4/2017.

6. Thống nhất bố trí, sắp xếp lại tổ chức và nhân lực một số Phòng ban Công ty kể từ

ngày 01/03/2017 như sau:

+ Sáp nhập Phòng Kỹ thuật Cơ Công ty vào Phòng Kỹ thuật điện Công ty thành Phòng Kỹ thuật Cơ điện Công Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

+ Miễn nhiệm chức vụ Trưởng Phòng Kỹ thuật Cơ Công ty và điều động Ông Nguyễn Văn Oánh đến nhận nhiệm vụ tại Ban thu hồi công nợ Công ty.

+ Bổ nhiệm Ông Hoàng Văn Nam giữ chức vụ Trưởng phòng Kỹ thuật Cơ điện Công ty.

+ Bố trí, sắp xếp, điều chuyển nhân sự của một số phòng ban khác theo đề nghị của Tổng giám đốc.

7. Liên quan đến tổ chức sản xuất và định hướng thị trường tiêu thụ sản phẩm, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất giao Tổng giám đốc Công ty và Phó chủ tịch HĐQT – Phụ trách công tác tiêu thụ Công ty:

+ Chỉ đạo việc thực hiện hai hợp đồng gia công nghiền xi măng theo hợp đồng đã ký với Công ty Xi măng Hải Phòng và Công ty Xi măng Hoàng Thạch đảm bảo sản lượng, ổn định chất lượng sản phẩm.

+ Triển khai mở thị trường tiêu thụ Xi măng PCB 30 tại Hạ Long.

+ Có giải pháp nâng sản lượng tiêu thụ Xi măng nội địa.

8. Thống nhất đầu tư dự án Trạm quan trắc môi trường tự động tại KCN Cái Lân, và dây chuyền 2 – Nhà máy Xi măng Lam Thạch II theo yêu cầu cơ quan Nhà nước, thời gian thực hiện trong quý 2, quý 3/2017, giao Tổng giám đốc lựa chọn phương án và thu xếp nguồn vốn để đầu tư dự án.

9. Thống nhất kế hoạch Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty sẽ được tổ chức trước ngày 30/6/2017. Giao Thư ký Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các thủ tục báo cáo với cơ quan chức năng về việc xin gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định.

10. Liên quan kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Phương án phát hành số 139/TT/HĐQT-QNCC ngày 31/10/2016 đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua theo nội dung Nghị quyết số:

			<p>151/NQ-ĐHCD ngày 15/11/2016 và văn bản chấp thuận số 8627/UBCK-QLCB ngày 30/12/2016 của Ủy ban Chứng khoán. Hội đồng quản trị Công ty thống nhất giao Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc xem xét kỹ phương án trình HĐQT Công ty quyết định trước ngày 10/3/2017.</p> <p>11. Thống nhất giao Tổng giám đốc (Chủ tài khoản Công ty) triển khai các giải pháp tài chính, đặc biệt chủ động làm việc với các tổ chức tín dụng để tài cấu trúc toàn diện lại nguồn vốn của Công ty.</p>
7	SỐ:20A/NQ-HĐQT	27/02/2017	<p>1. Thống nhất chủ trương triển khai dự án đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và cơ chế quản lý vận hành Khu công nghiệp Cái Lân.</p> <p>2. Tiếp tục triển khai đầu tư dự án Trung tâm Thương mại Cầu Sên (tại Thành phố Uông Bí).</p> <p>3. Thống nhất ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty triển khai thực hiện hai dự án nói trên theo đúng quy trình, quy định của Điều lệ, các quy chế nội bộ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.</p>
8	SỐ:48/NQ-HĐQT	08/05/2017	<p>1. Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thông qua BCTC kiểm toán năm 2016; Kế hoạch SXKD năm 2017; + Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính quý I/2017; Kế hoạch SXKD Quý II/2017. <p>2. Hội đồng quản trị Công ty thống nhất giao Ban điều hành tổ chức triển khai thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đầu tư cải tạo, nâng cấp hạ tầng KCN Cái Lân giai đoạn 1 theo lộ trình. + Triển khai đầu tư Trạm quan trắc tự động môi trường tại KCN Cái Lân và dây chuyền 2 – Nhà máy Xi măng Lam Thạch II theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước. + Liên quan đầu tư KCN Cái Lân mở rộng, tiếp tục bám sát, làm việc với UBND tỉnh để lựa chọn, thống nhất phương án đầu tư cho phù hợp. <p>3. Hội đồng quản trị Công ty:</p> <p>Thống nhất chủ trương và giao cho Ban điều hành Công ty nghiên cứu dự án đầu tư sản xuất cát nhân tạo, sản xuất vôi và sản xuất gạch bê tông trình HĐQT Công ty xem xét quyết</p>

định thực hiện.

4. Hội đồng quản trị Công ty thống nhất thông qua Kế hoạch Tổ chức Đại cổ đông thường niên năm 2017 với nội dung sau:

* Thời gian tổ chức Đại hội: Trong tháng 06/2017 (dự kiến ngày 19/06/2017)

* Địa điểm dự kiến tại: *Khách sạn Hạ Long Palace (Địa chỉ: Số 1 Lô 20, Khu Du lịch Đông Hùng Thắng, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh).*

* Thời gian chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội (ngày đăng ký cuối cùng): Thực hiện trong tháng 05/2017 (dự kiến ngày 23/5/2017).

* Nội dung Đại hội:

- Báo cáo hoạt động của HĐQT và BKS Công ty năm 2016, phương hướng nhiệm vụ năm 2017.

- Báo cáo kết quả SXKD năm 2016 và kế hoạch SXKD năm 2017.

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016; Báo cáo đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán 2017.

- Thông qua việc cơ cấu lại thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh nhiệm kỳ 2015 - 2020.

- Sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty.

- Thông qua Phương án phát hành Cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty.

- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

5. Hội đồng quản trị Công ty thống nhất:

+ Thông qua chủ trương thôi chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty của Ông Phạm Văn Điện và Ông Cao Quang Duyệt theo nguyện vọng cá nhân.

+ Việc thôi chức danh thành viên HĐQT Công ty của Ông Phạm Văn Điện và Ông Cao Quang Duyệt sẽ trình thông qua tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

6. Hội đồng quản trị Công ty thống nhất:

+ Thông qua việc bầu bổ sung Ông Mr Vandara Din – Quốc tịch Thụy Sĩ, (Hiện đang là Giám đốc Công ty KONEX), Tổng số cổ phần QNC hiện Công ty Konex đang nắm giữ là: 4.402.208 cổ phiếu.

+ Việc bầu bổ sung Ông Mr Vandara Din

			<p>làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh nhiệm kỳ 2015 – 2020 sẽ được trình biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.</p> <p>7. Hội đồng quản trị Công ty thống nhất nội dung cơ cấu lại thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2015 -2020. <i>Việc cơ cấu lại thành viên Hội đồng quản trị và BKS Công ty sẽ được trình biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.</i></p> <p>8. Hội đồng quản trị Công ty thống nhất thông qua Kế hoạch phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số cổ phần phát hành thêm: 20.000.000 cổ phần, tương đương số vốn: 200.000.000.000 đồng. - Tổng số vốn điều lệ sau khi phát hành dự kiến: 451.811.090.000 đồng. - Hình thức phát hành: + Phát hành cho Cổ đông hiện hữu hoặc phát hành riêng lẻ. - Mục đích phát hành: Tăng vốn điều lệ, bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. <p><i>Giao Chủ tịch HĐQT Công ty và Tổng giám đốc Công ty xây dựng phương án phát hành cổ phiếu tăng trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 biểu quyết thông qua.</i></p> <p>9. Hội đồng quản trị Công ty thống nhất: Triển khai sửa đổi Điều lệ hoạt động Công ty do cơ cấu lại số lượng thành viên HĐQT, BKS; thay đổi mô hình hoạt động, tăng vốn điều lệ và các nội dung liên quan khác, trình thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.</p>
9	SỐ:68/NQ-HĐQT	02/06/2017	<p>I. HĐQT thống nhất cơ cấu thành viên HĐQT Công ty cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giữ nguyên số lượng thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2015 – 2020 là 7 (bảy) thành viên theo quy định tại Điều lệ hiện hành Công ty. 2. Tại cuộc họp HĐQT ngày 08/05/2017 (Nghị quyết số 48/NQ-HĐQT), HĐQT đã thống nhất chủ trương về việc thôi tham gia thành viên HĐQT của Ông Cao Quang Duyệt và Ông Phạm Văn Điện; bầu bổ sung Ông. Mr Vandara

Din làm thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2015 -2020 (nội dung này sẽ được trình thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017).

3. Để đảm bảo số lượng thành viên HĐQT/thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ hiện hành của Công ty, HĐQT thống nhất tiến hành bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị và 02 thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2015 -2020 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2017.

II. Thống nhất thông qua danh sách đề cử ứng viên để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2015 -2020:

1. Ông Hoàng Nam Long.

+ Sinh ngày: 17 tháng 12 năm 1976.

+ Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

+ Số CMND: 011827365, ngày cấp 3/10/2009, nơi cấp: Hà Nội

+ Địa chỉ thường trú: Phòng 304-B5- Làng quốc tế Thăng Long, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

+ Số ĐT liên lạc: 0934610466

2. Ông: Phạm Minh Tuyền.

+ Sinh ngày: 18 tháng 08 năm 1978.

+ Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc

+ Số CMND: 022078000579 do Cục cảnh sát cấp ngày 20/5/2016.

+ Địa chỉ thường trú: Tổ 1b, khu 7, phường Ninh.

+ Trình độ chuyên môn: Kế toán, Kỹ sư quản trị

+ Số ĐT liên lạc: 0983237885/0904089887

Danh sách ứng viên đề cử để bầu bổ sung thành viên BKS sẽ được bầu tại kỳ họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2017.

III. Hội đồng quản trị Công ty thống nhất thông qua Kế hoạch và phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ thêm 200 tỷ đồng. Cụ thể:

- Số lượng cổ phiếu hiện tại của Công ty: 25.181.109 cổ phiếu;
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

			<p>thêm: 20.000.000 cổ phiếu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu. - Tổng giá trị cổ phiếu phát hành thêm theo mệnh giá: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng) - Mục đích phát hành: Tái cơ cấu lại các khoản nợ đến hạn, cơ cấu lại phần vốn của Công ty và bổ sung vốn lưu động. - Thời gian thực hiện: Trong năm 2017 và đến Quý I/2018. - Danh sách cổ đông lựa chọn cho đợt phát hành : <p>(kèm theo danh sách chi tiết cổ đông đăng ký mua cổ phần tăng vốn)</p> <p>Hội đồng quản trị thống nhất ủy quyền Chủ tịch HĐQT Công ty và Tổng giám đốc Công ty xây dựng phương án chi tiết về việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ trình thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.</p> <p>IV. Đề hỗ trợ nguồn vốn phục vụ hoạt động SXKD của Công ty trong tháng 6 và Quý III/2017. HĐQT thống nhất:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các thành viên HĐQT Công ty hỗ trợ cho Công ty vay tiền. 2. Huy động vay tiền của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài Công ty. 3. Giao Tổng giám đốc Công ty xây dựng phương án, cơ chế, chính sách đối với những tổ chức và cá nhân cho Công ty vay vốn. <p>V. Đối với công tác tiêu thụ sản phẩm, HĐQT thống nhất:</p> <p>Giao Tổng giám đốc và Phó Chủ tịch HĐQT phụ trách tiêu thụ chỉ đạo Phòng Kinh doanh và các phòng ban liên quan lập báo cáo chi tiết về thị trường tiêu thụ, kế hoạch kinh doanh và tổ chức họp thống nhất triển khai thực hiện trong tháng 6/2017.</p>
10	SỐ:105/NQ-HĐQT	06/07/2017	<p>I. Về lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ Xi măng:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thống nhất thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017; Kế hoạch SXKD Quý III và 6 tháng cuối năm 2017. 2. Thống nhất giao Tổng giám đốc tập trung tổ chức triển khai các giải pháp phục vụ cho sản xuất:

+ Tiếp tục triển khai cơ cấu giãn, hoãn các nguồn vốn vay.

+ Nâng hạn mức tín dụng đối với tổ chức ngân hàng.

+ Duy trì ổn định sản xuất đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm.

+ Quản lý, kiểm soát chặt chẽ vật tư hàng hóa đầu vào đảm bảo chất lượng, giá cả, đồng thời xây dựng ban hành quy chế, chế tài xử lý trách nhiệm cá nhân liên quan đến mua vật tư hàng hóa không đảm bảo chất lượng, mẫu mã, chủng loại, vượt giá theo quy định.

3. Hội đồng quản trị Công ty thống nhất việc mua bán cung cấp vật tư nguyên liệu, hàng hóa đầu vào và đầu ra cụ thể:

3.1 Về cung cấp vật tư nguyên liệu hàng hóa đầu vào:

+ Đối với nguyên liệu than: Mỗi thành viên HĐQT có trách nhiệm cấp than vào Công ty, với mức dư nợ cố định của Công ty tương ứng với khối lượng 2000 tấn than/tháng, sau khi cấp lượng của tháng tiếp theo sẽ được thanh toán sau 45 ngày.

+ Đối với nguyên liệu đá, Si lic: Giao Công ty Cổ phần Núi Rùa có trách nhiệm cung cấp, thời gian thanh toán sau 3 tháng. (với giá bán cạnh tranh có tính thêm lãi suất cho thời gian 3 tháng).

+ Đối với quặng sắt, tro đáy và các loại vật tư, nguyên liệu khác: Thực hiện chào giá cạnh tranh, tổ chức đấu giá, thời gian thanh toán sau 3 tháng. (yêu cầu giá cả cạnh tranh có tính thêm lãi suất cho thời gian 3 tháng)

3.2 Về tiêu thụ sản phẩm Xi măng và Clinker:

+ Thống nhất sản xuất và đăng ký thêm thương hiệu Xi măng mới song hành cùng thương hiệu sản phẩm Xi măng Lam Thạch.

+ Thống nhất sản xuất sản phẩm Xi măng bèn sunphat, giao Tổng giám đốc chủ động bố trí cơ sở hạ tầng, nhân lực hiện có để tổ chức sản xuất, đồng thời lập phương án đầu tư cơ sở hạ tầng như xây dựng Si lo phục vụ sản xuất và tổ chức công tác tiêu thụ sản phẩm.

+ Khuyến khích các thành viên HĐQT

tham gia tiêu thụ Xi măng, đặc biệt đối với thị trường tiêu thụ nội địa.

+ Giao Tổng giám đốc thực hiện tiêu thụ Xi măng nội địa đạt sản lượng 30 ngàn tấn/tháng trong quý 4/2017 như đã cam kết.

+ Đối với thị trường xuất khẩu: Tăng cường thực hiện hợp đồng xuất khẩu trực tiếp, rà soát tính toán chi phí bán hàng liên quan đến hoạt động xuất khẩu, có phương án, giải pháp nhằm tiết giảm chi phí, tăng giá bán sản phẩm (cần thiết tổ chức đấu thầu từng công đoạn trong công tác dịch vụ bán hàng).

4. Phòng Kinh doanh Công ty thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ về công tác bán hàng, công tác thị trường ... thực hiện báo cáo, cung cấp số liệu về công tác bán hàng, thị trường bao gồm tiêu thụ nội địa và xuất khẩu cho thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các bộ phận, phòng ban có liên quan khi có yêu cầu.

5. Về công tác tài chính, HĐQT thống nhất giao Tổng giám đốc thực hiện theo cam kết cụ thể:

+ Triển khai mạnh mẽ các giải pháp, nhằm duy trì ổn định sản xuất đảm bảo sản lượng, chất lượng sản phẩm, tiết giảm chi phí, hạ giá thành, tăng giá bán ... đảm bảo kết quả kinh doanh từ năm 2017 phải cắt được lỗ (trên cơ sở chưa phân bổ các chi phí còn tồn tại trước ngày 01/01/2017).

+ Chủ động phương án luân chuyển, giải quyết tài chính của Công ty, đặc biệt là trả nợ ngân hàng, thanh toán tiền điện, thuế, lương... không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

6. Thống nhất giải thể Ban kiểm soát nội bộ Công ty, giao Tổng giám đốc bố trí sắp xếp lại nhân sự của Ban Kiểm soát nội bộ cho phù hợp với yêu cầu hoạt động sản xuất thực tế của Công ty.

II. Đối với lĩnh vực khai thác đá:

1. Thống nhất chủ trương tiến hành định giá toàn bộ giá trị tài sản của Công ty Cổ phần Núi Rùa tính tại thời điểm 30/06/2017 đảm bảo theo đúng quy định để làm cơ sở chuyển thành vốn mua cổ phần QNC trong đợt phát hành cổ

phiếu tăng vốn điều lệ QNC năm 2017.

2. Thống nhất thành lập Ban định giá giá trị tài sản, xây dựng mô hình và cơ chế hoạt động đối với Công ty Cổ phần Núi Rùa trên cơ sở đảm bảo lợi ích hài hòa của QNC và các nhà các đầu tư tham gia góp vốn.

Thành phần Ban định giá gồm: 1/ Ông. Nguyễn Đình Tâm: Phó Chủ tịch TT HĐQT QNC: Trưởng ban; 2/ Ông. Nguyễn Xuân Quế: TV. HĐQT QNC, Giám đốc Công ty CP Núi Rùa: Phó ban; 3/ Ông. Trần Quang Tịnh: Trưởng BKS QNC: Ủy viên; 4/ Trưởng các phòng Công ty QNC gồm: Tài chính Kế toán, Kinh tế Kế hoạch, Tài nguyên, Tổ chức Hành chính, Kỹ thuật Cơ điện; Ban Kiểm soát nội bộ, Phân xưởng SC Cơ điện: Ủy viên; 5/ Các Phòng ban/cán bộ nghiệp vụ của Công ty CP Núi Rùa (do đơn vị tự bố trí): Ủy viên

Yêu cầu Ban định giá hoàn thành và báo cáo kết quả trình Hội đồng quản trị QNC xem xét phê duyệt trước ngày 30/07/2017.

III. Đối với khối sản xuất than:

1. Thống nhất chuyển toàn bộ than khai thác của Công ty Cổ phần Xí nghiệp than Ưng Bí về Nhà máy phục vụ sản xuất Xi măng trên cơ sở:

+ QNC hỗ trợ Công ty CP Xí nghiệp than Ưng Bí địa điểm bến bãi tập kết và cảng tại khu vực Lam Thạch nhằm phục vụ công tác sàng tuyển và tiêu thụ than.

+ Công ty Cổ phần Xí nghiệp than Ưng Bí hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động khai thác, vận chuyển sàng tuyển chế biến than, công tác an ninh trật tự, công tác môi trường liên quan trong quá trình sàng tuyển, chế biến than tại khu vực Lam Thạch.

+ Giao Công ty Cổ phần Xí nghiệp than Ưng Bí cấp than đạt phẩm cấp vào Nhà máy để phục vụ sản xuất Xi măng, với giá bán thấp hơn giá thị trường và điều kiện cho QNC tổng dư nợ cố định là 10 tỷ đồng, giá trị vượt dư nợ cố định được thanh toán sau 45 ngày kể từ ngày đủ hồ sơ thanh toán theo hợp đồng; đối với than không đạt điều kiện sản xuất Xi măng được bán ra ngoài.

2. Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh thống nhất:

+ Hoàn tất thủ tục bàn giao tài sản cho Công ty Cổ phần Xi nghiệp than Uông Bí theo danh mục và giá trị tài sản đã được thống nhất giữ hai bên trên cơ sở đề xuất thống nhất bằng Nghị quyết của HĐQT Công ty Cổ phần Xi nghiệp than Uông Bí.

+ Làm thủ tục tách diện tích đất của mỏ than khối Nam Đông Tràng Bạch cụ thể: Các khu vực có tài sản chính như đường lò tách chuyển sang cho Công ty Cổ phần Xi nghiệp than Uông Bí, các khu vực phụ trợ tách chuyển về Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh. Giao Ông Tô Ngọc Hoàng: TV. HĐQT, Tổng giám đốc Công ty QNC và Ông Nguyễn Trường Giang: TV. HĐQT – Phó Tổng giám đốc Công ty QNC, Giám đốc Công ty CP Xi nghiệp than Uông Bí thống nhất chỉ đạo thực hiện.

+ Đối với diện tích đất của mỏ than khối Bắc Đông Tràng Bạch làm thủ tục chuyển về Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

IV. Một số nội dung khác:

1. Thống nhất thành lập Ban đầu tư chiến lược của Công ty:

+ Thành phần Ban gồm:

- Ông Tô Ngọc Hoàng: TV. HĐQT, Tổng giám đốc: Trưởng ban;

- Ông Nguyễn Đình Tâm: Phó chủ tịch Thường trực HĐQT: Phó ban;

- Ông Nguyễn Xuân Quế: Thành viên HĐQT: Phó ban.

+ Công việc, nhiệm vụ của Ban là: Nghiên cứu phương án, tổ chức triển khai đầu tư quản lý, kinh doanh dự án KCN Cái Lân mở rộng, dự án Trung tâm Thương mại Cầu Sến, sản xuất thêm sản phẩm Xi măng mới, đầu tư sản xuất cát, vôi, bê tông...

2. Thống nhất giao Thư ký HĐQT Công ty thực hiện:

+ Xây dựng dự thảo sửa đổi quy chế tổ chức hoạt động và phân công nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Công ty.

+ Rà soát xây dựng dự thảo Quy chế quản trị nội bộ Công ty theo quy định Luật doanh nghiệp, quy chế quản trị của Công ty đại chúng, Điều lệ hiện hành và tình hình hoạt động thực tế tại Công ty.

			Yêu cầu lấy ý kiến, hoàn thiện Quy chế trình Chủ tịch HĐQT ký ban hành thực hiện trước ngày 30/07/2017.
11	SỐ:105A/NQ-HĐQT	06/07/2017	<p>1. Thống nhất giao cho Tổng giám đốc công ty lập kế hoạch vay vốn, được ký kết và tổ chức thực hiện Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh để phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2017.</p> <p>2. Thống nhất dùng các tài sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh để bảo đảm tiền vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh.</p>
12	SỐ:116/NQ-HĐQT	10/08/2017	<p>1. Thống nhất thông qua báo cáo đánh giá, kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ của HĐQT kỳ họp trước, triển khai nhiệm vụ cho thời gian tiếp theo.</p> <p>2. Thống nhất thông qua báo cáo của Ban điều hành về tình hình và kết quả hoạt động SXKD Công ty 6 tháng đầu năm 2017; kế hoạch SXKD Quý III và 6 tháng cuối năm 2017 và các nội dung, số liệu liên quan tài chính của Công ty đến 30/06/2017.</p> <p>3. Thống nhất các thành viên HĐQT tập trung quyết liệt thực hiện nhiệm vụ đã được giao và phân công theo nội dung Nghị quyết số 105/NQ-HĐQT, ngày 06/07/2017.</p> <p>4. Thống nhất chấp thuận đơn xin thôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh của Ông Đinh Đức Hiền theo nguyện vọng cá nhân, kể từ ngày 15/08/2017.</p> <p>5. Thống nhất đề cử Ông Nguyễn Xuân Quế: Thành viên HĐQT Công ty để bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty - Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.</p> <p>6. Thống nhất bầu Ông Nguyễn Xuân Quế giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty - Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh, kể</p>

			<p>từ ngày 15/08/2017.</p> <p>7. Thống nhất toàn bộ nội dung liên quan đến thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh nêu trên sẽ được Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định và báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong phiên họp gần nhất.</p>
13	SỐ:123A/NQ-HĐQT	26/09/2017	<p>Thống nhất ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Dự án khu dân cư Đồi Lấp Ghép, tại phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh: từ Công ty sang cho các hộ dân để làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.</p>
14	SỐ:123/NQ-HĐQT	26/09/2017	<p>Điều 1. Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C</p> <p>Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh tại BIDV Tây Nam Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức hạn mức tín dụng. cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạn mức tín dụng: 160.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tỷ đồng chẵn), bao gồm cả dư nợ vay và bảo lãnh. - Mục đích: Vay vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh - Thời hạn hạn mức: 12 tháng - Lãi suất vay và điều kiện vay vốn: Theo quy định của Ngân hàng và thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ký giữa Công ty và BIDV Tây Nam Quảng Ninh. <p>Điều 2. Thông qua biện pháp bảo đảm tiền vay</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc cầm cố, thế chấp các tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh tại Ngân hàng để bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ của Công ty tại Ngân hàng . - Thông qua thủ tục việc bổ sung tài sản thế chấp của Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh tại BIDV Tây Nam Quảng

			<p>Ninh tài sản là Quyền kinh doanh, khai thác, quản lý và toàn bộ các quyền lợi, lợi tức phát sinh do việc khai thác sử dụng toàn bộ Khu đất theo Hợp đồng thuê đất tại Khu công nghiệp Cái Lân; tài sản gắn liền với đất tại Khu công nghiệp Cái Lân.</p> <p>Điều 3. Chỉ định Người đại diện Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh thương thảo, đàm phán, thông qua, ký kết hợp đồng với Ngân hàng</p> <p>Giao ông Tô Ngọc Hoàng hiện giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty, đồng thời là người đại diện Công ty:</p> <p>1. Thương thảo, đàm phán, thông qua, ký kết và thực hiện các hợp đồng, văn bản liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng bao gồm nhưng không giới hạn: Giấy đề nghị vay vốn; Giấy đề nghị phát hành bảo lãnh, mở L/C; Hợp đồng tín dụng hạn mức; Hợp đồng cấp bảo lãnh; Bảng kê rút vốn/Hợp đồng tín dụng cụ thể; Giấy đề nghị giải ngân; Bảng phân khai kế hoạch giải ngân; Biên bản giao nhận hồ sơ chứng từ liên quan đến từng lần giải ngân; tài liệu khác có liên quan...</p> <p>2. Thương thảo, đàm phán, thông qua, ký kết và thực hiện các hợp đồng, văn bản liên quan đến việc thế chấp, cầm cố tài sản tại Ngân hàng bao gồm nhưng không giới hạn: Hợp đồng bảo đảm tiền vay/ Hợp đồng thế chấp; Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm; Biên bản định giá tài sản và các văn bản, tài liệu khác có liên quan tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh.</p> <p>Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.</p> <p>Điều 5. Ông Tô Ngọc Hoàng: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>
15	SỐ:125/NQ-HĐQT	05/10/2017	<p>1. Căn cứ Biên bản kiểm kê kho than của QNC do Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Chi nhánh Quảng Ninh lập ngày 15/08/2017. Hội đồng quản trị Công ty và các thành viên dự họp đã thống nhất tổng lượng than hao hụt (âm kho) trong quá trình sản xuất Xi măng tính đến ngày 15/08/2017 là: 40.386,63 tấn than cám 4A.</p>

			<p>2. Hội đồng quản trị Công ty và các thành viên dự họp thống nhất triển khai phương án khắc phục số lượng than hao hụt nói trên và báo cáo xin ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông trong phiên họp gần nhất.</p>
16	SỐ:128/NQ-HĐQT	10/10/2017	<p>Căn cứ hợp đồng số: 367/2015/HĐKT-QNCC-NRC, ngày 12/07/2015 ký giữa Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh với Công ty Cổ phần Núi Rùa về việc thầu khai thác đá tại mỏ đá Núi Rùa;</p> <p>Căn cứ Hợp đồng số: 566/HĐKT-QNCC-NRC, ngày 09/09/2016 ký giữa Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh với Công ty Cổ phần Núi Rùa về việc bán đá phi nguyên liệu cho Công ty Cổ phần Núi Rùa (NRC).</p> <p>Căn cứ biên bản nghiệm thu sản lượng đá khai thác tại mỏ đá Núi Rùa giữa Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh và Công ty Cổ phần Núi Rùa ngày 26/08/2017;</p> <p>Hội đồng quản trị Công ty và các thành viên dự họp đã biểu quyết thông qua các nội dung sau:</p> <p>1. Hội đồng quản trị Công ty thống nhất thông qua biên bản nghiệm thu lượng đá khai thác tại mỏ đá Núi Rùa giữa Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh và Công ty Cổ phần Núi Rùa từ tháng 7/2015 đến 30/06/2017.</p> <p>2. Hội đồng quản trị Công ty thống nhất: Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh sẽ viết hóa đơn xuất bán lượng đá phi nguyên liệu cho Công ty Cổ phần Núi Rùa khi được cơ quan quản lý Nhà nước cấp giấy phép bán đá phi nguyên liệu theo quy định.</p>
17	SỐ:129/NQ-HĐQT	12/10/2017	<p>Điều 1: Thông qua việc triển khai thực hiện đợt phát hành riêng lẻ tăng vốn điều lệ thêm 200 tỷ đồng.</p> <p>Điều 2: Thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ thêm 200 tỷ đồng. Chi tiết phương án phát hành cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên Cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.
 - Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
 - Tổng số cổ phiếu phát hành: 20.000.000 cổ phiếu.
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng).

Điều 3: Thông qua phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành

Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu dự kiến là **200.000.000.000** đồng của đợt phát hành nêu trên dự kiến sẽ dùng để tái cơ cấu lại các khoản nợ đến hạn cơ cấu lại phần vốn của Công ty và bổ sung vốn lưu động. Cụ thể:

- Trả nợ:

- 1/ Ngân hàng BIDV - CN Tây Nam Quảng Ninh: 46.000.000.000 đồng, Quý 3+4/2017;
- 2/ Ngân hàng PG bank Quảng Ninh: 5.200.000.000 đồng; Quý 3+4/2017.
- 3/ Ngân hàng BIDV - CN Hà Thành: 8.000.000.000 đồng; Quý 3+4/2017.
- 4/ Ngân hàng Quân Đội chi nhánh Quảng Ninh: 19.800.000.000 đồng; Quý 3+4/2017.
- 5/ Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Quảng Ninh: 5.000.000.000 đồng; Quý 3+4/2017.
- 6/ Ngân hàng NN và PTNT CN Bãi Cháy: 59.000.000.000 đồng; Quý 3+4/2017..

Tổng cộng: 143.000.000.000 đồng.

Phần bổ sung vốn lưu động

- 1/ Nguyên vật liệu chính: 30.000.000.000 đồng; Quý 3+4/2017.
- 2/ Vật tư sửa chữa: 5.000.000.000 đồng; Quý 3+4/2017.
- 3/ Nhân công: 5.000.000.000 đồng; Quý 3+4/2017.
- 4/ Điện năng: 10.000.000.000 đồng; Quý 3+4/2017
- 5/ Các khoản chi phí khác: 7.000.000.000 đồng; Quý 3+4/2017.

Cộng: 57.000.000.000 đồng.

Điều 4: Thông qua danh sách nhà đầu tư được chào bán, tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư: Các cá nhân/ tổ chức có tiềm lực kinh tế, có khả năng tham gia hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể:

- 1/ Công ty TNHH Tô Tây: Địa chỉ: Số nhà 08,

Ngõ 12, Phố Phạm Thế Hiển, Tổ 28, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình; Số ĐKKD/ CMND 1001059456; Số lượng CP đang nắm giữ: 2.900.000; Số lượng cổ phiếu đăng ký mua thêm: 3.000.000.

2/ Công ty TNHH Siamvina: Địa chỉ: Thôn Phú Lạc, Xã Phú Xuân, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; Số ĐKKD/ CMND 100102521; Số lượng CP đang nắm giữ:0; Số lượng cổ phiếu đăng ký mua thêm: 2.000.000.

3/ Công ty cổ phần Núi Rùa: Địa chỉ: Hợp Thành, Phường Phương Nam, Ưông Bí, Quảng Ninh; Số ĐKKD/ CMND 5701670717; Số lượng CP đang nắm giữ:0; Số lượng cổ phiếu đăng ký mua thêm: 5.000.000.

4/ Công ty TNHH HungKing Việt Nam: Địa chỉ: Số nhà 38, lô TT3A, dự án khu phố 3,4, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình; Số ĐKKD/ CMND 1001064569; Số lượng CP đang nắm giữ:0; Số lượng cổ phiếu đăng ký mua thêm: 3.000.000.

5/ Công ty TNHH 1 thành viên Thương mại và Dịch vụ Minh Phúc: Địa chỉ: Thôn Châu Xá, xã Duy Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; Số ĐKKD/ CMND 0800451266; Số lượng CP đang nắm giữ:0; Số lượng cổ phiếu đăng ký mua thêm: 3.000.000.

6/ Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Hoàng Anh: Địa chỉ: Khu 1, Hạ Chiểu, thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; Số ĐKKD/ CMND 0801193138; Số lượng CP đang nắm giữ:0; Số lượng cổ phiếu đăng ký mua thêm: 2.000.000.

7/ Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành: Địa chỉ: Khu đô thị mới, thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; Số ĐKKD/ CMND 0800289260; Số lượng CP đang nắm giữ:0; Số lượng cổ phiếu đăng ký mua thêm: 2.000.000.

Điều 5: Nguyên tắc xác định giá phát hành: Giá phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông trong đợt phát hành riêng lẻ của Công ty Cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh là 10.000 đồng/cổ phiếu, được căn cứ trên giá trị sổ sách của công ty tại thời điểm 31/03/2017

* 31/03/2017 (Số liệu Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất) Giá trị sổ sách/cổ phiếu =

			<p>Nguồn vốn chủ sở hữu/Số lượng cổ phần đang lưu hành = $207.483.276.694/25.181.109 = 8.240$ đồng/cổ phiếu</p> <p>* 31/03/2017 (Số liệu Báo cáo tài chính kiểm toán công ty mẹ)</p> <p>Giá trị sổ sách/cổ phiếu = Nguồn vốn chủ sở hữu/Số lượng cổ phần đang lưu hành = $205.777.243.358/25.181.109 = 8.172$ đồng/cổ phiếu, Giá cổ phiếu của Công ty sau phát hành sẽ chịu tác động của việc phát hành thêm 79,42% cổ phiếu mới so với vốn điều lệ hiện tại dẫn đến sự pha loãng của cổ phiếu, mặt khác thị trường chứng khoán hiện tại chưa phục hồi và bị nhiều yếu tố vĩ mô tác động tiêu cực đến tâm lý nhà đầu tư cũng như việc giá giao dịch hiện tại trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội của cổ phiếu QNC cũng luôn luôn ở mức dưới 10.000 đồng/ cổ phiếu (cụ thể là từ 4000- 7000 đồng/ cổ phiếu) trong thời gian từ tháng 04 trở lại đây. Trên cơ sở đánh giá các mức giá và yếu tố trên và để đảm bảo sự thành công cho đợt phát hành cũng như để tạo giá trị thặng dư cho cổ đông, HĐQT đề xuất mức giá chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.</p> <p>Điều 6: Thông qua việc số lượng 20.000.000 cổ phiếu phát hành thêm bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật tại Luật chứng khoán sửa đổi năm 2010.</p> <p>Điều 7: Thông qua việc Tuân thủ về khoảng cách giữa các đợt chào bán theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>Điều 8 : Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và hoàn thành tốt kế hoạch đã đề ra.</p>
18	SỐ:138/NQ-HĐQT	01/11/2017	<p>Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh gồm 7/7 thành viên đã biểu quyết thông qua nội dung phương án tài sản thế chấp bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh tỉnh Quảng Ninh và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khu vực Bãi Cháy, cụ thể :</p> <p>Đồng ý dùng các tài sản thuộc quyền sở</p>

			<p>hữu hợp pháp của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh để thế chấp là Dây truyền số 1 - Nhà máy xi măng Lam Thạch II bao gồm toàn bộ nhà xưởng, vật kiến trúc... gắn liền trên Quyền sử dụng 104.662,8m² đất thuê tại Phường Phương Nam, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh và toàn bộ máy móc thiết bị của dây chuyền sản xuất xi măng theo công nghệ lò quay, công suất 1.200 tấn clinker/ngày.</p> <p>Giấy tờ tài sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ405634 do UBND Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 10 tháng 12 năm 2004, số vào sổ 1300 QSDĐ. - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CD 955466, số vào sổ CT06119 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 31/5/2017, mang tên Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.
19	SỐ:160/NQ-HĐQT	12/12/2017	<p>1. Thống nhất thông qua Biên bản kiểm phiếu Biểu quyết về việc đề nghị cách chức và chuyển cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý sai phạm của Ông Tô Ngọc Hoàng.</p> <p>Kết quả kiểm phiếu biểu quyết cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Số phiếu đồng ý đề nghị cách chức và chuyển cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý sai phạm của Ông Tô Ngọc Hoàng: 5/6 phiếu, tương ứng 83,33%/tổng số phiếu biểu quyết. + Số phiếu không đồng ý đề nghị cách chức và chuyển cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý sai phạm của Ông Tô Ngọc Hoàng: 1/6 phiếu, tương ứng 16,67%/tổng số phiếu biểu quyết. (có biên bản kiểm phiếu kèm theo) <p>2. Thống nhất cách chức Tổng giám đốc điều hành đối với Ông Tô Ngọc Hoàng, chuyển cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý các sai phạm của Ông Tô Ngọc Hoàng trong thời gian giữ chức vụ Tổng giám đốc điều hành Công ty.</p> <p>3. Thống nhất tạm giao các quyền hạn, trách nhiệm của Tổng giám đốc điều hành Công ty cho ông Nguyễn Xuân Quế - Chủ tịch HĐQT Công ty kể từ ngày 12/12/2017.</p> <p>4. Thống nhất Ông Tô Ngọc Hoàng có trách nhiệm bàn giao toàn bộ hồ sơ, sổ sách, thông tin tài liệu cho Công ty chậm nhất vào hồi</p>

<p>16 giờ 00 ngày 15/12/2017.</p> <p>5. Thông nhất mời tổ chức kiểm toán độc lập vào để kiểm tra, đánh giá và làm rõ tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian Ông Tô Ngọc Hoàng giữ chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty.</p> <p>6. Thông nhất và đề nghị Chủ tịch HĐQT Công ty cho thời đảm nhiệm công việc, chức vụ đối với các cá nhân sau đây:</p> <p>+ Tô Văn Quân: Trưởng phòng Quản lý kho + Đinh Văn Quyền: Trưởng phòng Kinh doanh. + Lê Thanh Bách: Tró lý Tổng giám đốc về lĩnh vực Quản lý KCN và ĐTHH. + Nguyễn Văn Kiên: Tró lý Tổng giám đốc phụ trách Sản xuất Công ty.</p> <p>7. Thông nhất tiếp tục xuất bản 10 ngàn tấn xi măng xuất khẩu cho các Công ty liên quan đến Ông Tô Ngọc Hoàng theo các hợp đồng đã ký kết với QNC.</p> <p>8. Thông nhất đề nghị Chủ tịch HĐQT tiếp tục xem xét, ký kết hợp đồng kinh tế giữa QNC với các đơn vị sau:</p> <p>+ Công ty Cổ phần Núi Rùa + Công ty TNHH TM và Dịch vụ Hoàng Anh. + Công ty TNHH 1 thành viên Triệu Vương + Công ty TNHH TM và Vận tải Trường Thành + Công ty TNHH Trường Thành Phát. + Công ty An Thịnh Phát CTT.</p>	<p>Điều 1. Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C</p> <p>Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh tại BIDV Tây Nam Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức hạn mức tín dụng. cụ thể như sau:</p> <p>- Hạn mức tín dụng: 160.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tỷ đồng chẵn), bao gồm cả dư nợ vay và bảo lãnh.</p> <p>- Mục đích: Vay vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh</p> <p>- Thời hạn hạn mức: 12 tháng</p> <p>- Lãi suất vay và điều kiện vay vốn: Theo quy định của Ngân hàng và thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ký giữa Công ty và BIDV Tây</p>	<p>12/12/2017</p>	<p>SỐ:160B/NQ-HBQT</p>
			<p>20</p>

Nam Quảng Ninh.

Điều 2. Thông qua biện pháp bảo đảm tiền vay

- Thông qua việc cầm cố, thế chấp các tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh tại Ngân hàng để bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ của Công ty tại Ngân hàng .

- Thông qua thủ tục việc bổ sung tài sản thế chấp của Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh tại BIDV Tây Nam Quảng Ninh tài sản là Quyền kinh doanh, khai thác, quản lý và toàn bộ các quyền lợi, lợi tức phát sinh do việc khai thác sử dụng toàn bộ Khu đất theo Hợp đồng thuê đất tại Khu công nghiệp Cái Lân; tài sản gắn liền với đất tại Khu công nghiệp Cái Lân.

Điều 3. Chỉ định Người đại diện Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh thương thảo, đàm phán, thông qua, ký kết hợp đồng với Ngân hàng:

Giao Ông Nguyễn Xuân Quế hiện giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty, người được Hội đồng quản trị tạm giao các quyền hạn, trách nhiệm của Tổng giám đốc điều hành Công ty, đồng thời là người đại diện Công ty:

1. Thương thảo, đàm phán, thông qua, ký kết và thực hiện các hợp đồng, văn bản liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng bao gồm nhưng không giới hạn: Giấy đề nghị vay vốn; Giấy đề nghị phát hành bảo lãnh, mở L/C; Hợp đồng tín dụng hạn mức; Hợp đồng cấp bảo lãnh; Bảng kê rút vốn/Hợp đồng tín dụng cụ thể; Giấy đề nghị giải ngân; Bảng phân khai kế hoạch giải ngân; Biên bản giao nhận hồ sơ chứng từ liên quan đến từng lần giải ngân; tài liệu khác có liên quan...

2. Thương thảo, đàm phán, thông qua, ký kết và thực hiện các hợp đồng, văn bản liên quan đến việc thế chấp, cầm cố tài sản tại Ngân hàng bao gồm nhưng không giới hạn: Hợp đồng bảo đảm tiền vay/ Hợp đồng thế chấp; Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm; Biên bản định giá tài sản và các văn bản, tài liệu khác có liên quan tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

			Điều 5. Ông Nguyễn Xuân Quế: Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty, người được Hội đồng quản trị tạm giao các quyền hạn, trách nhiệm của Tổng Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.
21	SỐ:160B/NQ-HĐQT	12/12/2017	<p>Điều 1. Thống nhất ủy quyền cho Ông Nguyễn Xuân Quế: Chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty, người được Hội đồng quản trị tạm giao các quyền hạn, trách nhiệm của Tổng giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh: Trực tiếp ký kết các hợp đồng kinh tế với các đơn vị, đối tác, khách hàng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC).</p> <p>Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2018 hoặc khi có văn bản khác thay thế.</p>
22	SỐ:160D/NQ-HĐQT	12/12/2017	<p>Hội đồng quản trị Công ty và các thành viên dự họp đã biểu quyết thông qua các nội dung gồm:</p> <p>1. Thống nhất ủy quyền và giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty quyết định việc bổ nhiệm/miễn nhiệm cán bộ quản lý từ cấp Phó Tổng giám đốc Công ty trở xuống.</p> <p>2: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi có văn bản khác thay thế.</p>

4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Đối với hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập, đều tham dự đầy đủ các cuộc họp và các hoạt động của HĐQT, các thành viên đều tham gia xem xét, nghiên cứu và đóng góp ý kiến về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT làm cơ sở để HĐQT ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan.

5. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát tính tại thời điểm 31/12/2017:

Họ và tên	Chức vụ	Tổng số cổ phần Năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1. Ông. Trần Quang Tịnh	Trưởng BKS	14.791	0,04%
2. Ông. Phạm Minh Tuyên	TV. BKS	59.644	0,16%
3. Ông. Hoàng Nam Long	TV. BKS	0	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh về quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát.

Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình, Ban kiểm soát duy trì họp định kỳ, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực của các hoạt động sản xuất kinh doanh trong công tác kế toán và lập báo cáo tài chính, thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh

doanh, tình hình tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, kiến nghị biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Tham gia đầy đủ các cuộc họp thường kỳ hàng quý của Hội đồng Quản trị.

Trong năm 2017, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát của mình cụ thể:

- Tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT để theo dõi và giám sát hoạt động của HĐQT.

- Trưởng ban kiểm soát đã chỉ đạo các kiểm soát viên bám sát tình hình hoạt động, thực hiện công tác kiểm tra, hỗ trợ các phòng ban đơn vị hạch toán kế toán đúng quy định, đồng thời thực hiện chính sách với người lao động cũng như các hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

- Kịp thời tham mưu cho HĐQT Công ty về công tác tài chính, nhân sự và các chính sách đối với người lao động, đảm bảo nội bộ Công ty luôn đoàn kết.

- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng tháng, quý, năm của đơn vị trước khi trình HĐQT, đồng thời phối hợp thường xuyên với đơn vị kiểm toán độc lập.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

+ Lương của Ban tổng giám đốc Công ty được hưởng theo Quy chế trả lương của Công ty do HĐQT quyết định.

+ Năm 2017 Công ty dự kiến chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty với tỷ lệ 1,5 % lợi nhuận sau thuế, tuy nhiên kết quả SXKD không có lãi, do vậy phương án chi trả thù lao cho HĐQT, BKS Công ty năm 2017 là không.

b) Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty từ 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đào Thị Đàm	Phó chủ tịch HĐQT Công ty	792.953	3,14%	2.792.953	7,51%	Tăng sở hữu thêm 2.000.000 cổ phiếu do mua Cổ phiếu phát hành riêng lẻ của Công ty (từ 30/03/2017)
2	Công ty TNHH Tô Tây	Là Công ty thuộc 100% sở hữu cá nhân Ông Tô Ngọc Hoàng – TV HĐQT, TGD Công ty QNC	3.481.708	18,86%	0	0%	Bán 2.481.708 cổ phiếu để cơ cấu lại tài chính và cổ phần sở hữu (thực hiện từ 25/01/2017 đến 22/02/2017)
3	Công ty TNHH Tô Tây	Là Công ty thuộc 100% sở hữu cá nhân Ông Tô Ngọc Hoàng – TV HĐQT,	0	0	2.900.000	7,80%	Sở hữu 2.900.000 cổ phiếu do mua Cổ phiếu phát hành riêng lẻ

		TGD Công ty QNC					của Công ty (từ 30/03/2017)
4	Phạm Văn Điện	Phó Tổng giám đốc Công ty	226.325	0,9%	0	0	Do nhu cầu tài chính cá nhân bán 226.325 cổ phiếu (Thực hiện từ ngày 15/05/2017 đến ngày 14/06/2017)
5	Nguyễn Trường Giang	TV, HĐQT; Phó Tổng giám đốc Công ty	500.326	1,98%	1.300.326	3,50%	Tăng sở hữu thêm 800.000 cổ phiếu do mua Cổ phiếu phát hành riêng lẻ của Công ty (từ 30/03/2017)
6	Đình Phạm Bảo Hoàng	Con của Ông Đình Đức Hiền: Thành viên HĐQT Công ty	0	0	500.000	1,34%	Sở hữu 500.000 cổ phiếu do mua Cổ phiếu phát hành riêng lẻ của Công ty (từ 30/03/2017)
7	Ông Phạm Quốc Hùng	Phó tổng giám đốc Công ty	102.490	0,40	132.490	0,53%	Tăng sở hữu thêm 30.000 cổ phiếu do mua Cổ phiếu phát hành riêng lẻ của Công ty (từ 30/03/2017)
8	Ông Phạm Quốc Hùng	Phó tổng giám đốc Công ty	132.490	0,53%	32.490	0,08%	Do nhu cầu tài chính cá nhân thực hiện bán 100.000 cổ phiếu (Thực hiện từ ngày 11/04/2017 đến ngày 12/06/2017)
9	Công ty TNHH Konex	Ông Vandara Din: Thành viên HĐQT QNC hiện là Giám đốc Công ty TNHH Konex	4.402.808	17,53%	4.847.808	19,25%	Tăng sở hữu thêm 445.000 cổ phiếu do mua đầu tư thêm cổ phiếu (từ 19/06/2017)
10	Công ty TNHH Konex	Ông Vandara Din: Thành viên HĐQT QNC hiện là Giám đốc Công ty TNHH Konex	4.847.808	19,25%	5.816.998	15,65%	Tăng sở hữu mua thêm 969.190 cổ phiếu do mua đầu tư thêm cổ phiếu (từ 19/07/2017 đến 17/08/2017)
11	Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành	Bà Đào Thị Đàm: Thành viên HĐQT Công ty là Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành	0	0	2.000.000	5,38%	Sở hữu 2.000.000 cổ phiếu do mua Cổ phiếu phát hành riêng lẻ của Công ty (từ 03/11/2017 đến ngày 20/12/2017)

12	Công ty Cổ phần Núi Rùa	Ông Phạm Minh Tuyền: Thành viên BKS QNC là Giám đốc Công ty Cổ phần Núi Rùa	0	0	5.000.000	13,45%	Sở hữu 5.000.000 cổ phiếu do mua Cổ phiếu phát hành riêng lẻ của Công ty (từ 03/11/2017 đến ngày 20/12/2017)
----	-------------------------	---	---	---	-----------	--------	--

c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt việc quản trị theo các quy định của pháp luật, của cơ quan quản lý Nhà nước đối với Công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, nhờ vậy đã khắc phục được những khó khăn tạo niềm tin cho các cổ động và cho người lao động.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017:

1. Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2017.

a) Bảng cân đối kế toán.

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 (đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		469,877,542,254	708,518,035,881
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1,748,530,267	7,029,824,059
111	1. Tiền		1,748,530,267	7,029,824,059
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		247,492,281,227	363,825,435,974
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	238,796,424,136	174,095,538,287
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	5,588,152,057	1,597,215,459
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn			3,380,817,768
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	19,143,973,754	184,751,864,460
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-16,036,268,720	
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho	9	115,494,853,885	282,912,089,038
141	1. Hàng tồn kho		115,494,853,885	282,912,089,038
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		105,141,876,875	54,750,686,810
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	66,160,415,152	40,970,515,254
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		38,981,461,723	13,780,171,556
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1,159,752,099,812	1,174,812,541,041
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		15,611,439,385	4,792,007,763
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	15,611,439,385	4,792,007,763
220	II. Tài sản cố định		1,075,165,775,016	945,893,719,746
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1,073,015,782,645	943,568,129,539
222	- Nguyên giá		1,883,817,544,561	1,783,699,983,381
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		-810,801,761,916	-840,131,853,842
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	2,149,992,371	2,325,590,207
228	- Nguyên giá		8,935,073,048	9,259,899,004
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-6,785,080,677	-6,934,308,797

240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	32,012,078,735	142,117,786,196
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		31,330,557,735	52,750,234,159
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		681,521,000	89,367,552,037
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	26,295,900,000	7,509,000,000
251	1. Đầu tư vào công ty con		1,424,000,000	4,994,000,000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		5,570,000,000	2,000,000,000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		19,301,900,000	515,000,000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		10,666,906,676	74,500,027,336
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	10,624,968,494	74,458,089,154
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		41,938,182	41,938,182
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1,629,629,642,066	1,883,330,576,922
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1,571,987,134,998	1,759,410,119,944
310	I. Nợ ngắn hạn		1,077,105,556,980	901,326,932,853
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	404,125,712,417	266,604,305,709
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	177,088,922,640	12,765,657,929
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	25,541,350,996	18,859,186,627
314	4. Phải trả người lao động		10,089,074,870	12,174,398,000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn			4,721,357,332
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	36,425,875,844	81,837,370,043
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	423,834,620,213	504,364,657,213
330	II. Nợ dài hạn		494,881,578,018	858,083,187,091
331	1. Phải trả người bán dài hạn	15		8,932,561,110
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	16		50,309,182,645
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	36,681,439,448	39,404,132,617
337	4. Phải trả dài hạn khác	18	18,710,453,978	94,948,885,475
338	5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	439,489,684,592	664,488,425,244
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		57,642,507,068	123,920,456,978
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	57,642,507,068	123,920,456,978
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		371,811,090,000	184,511,090,000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		371,811,090,000	184,511,090,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2,753,390,480	2,918,390,480
415	3. Cổ phiếu quỹ		-1,894,390,964	-1,894,390,964
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		10,113,270,078	10,113,270,078
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-325,140,852,526	-71,727,902,616
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-71,727,902,616	2,416,510,469
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		-253,412,949,910	-74,144,413,085
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1,629,629,642,066	1,883,330,576,922

b) Bảng kết quả kinh doanh.

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	(đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	959,135,271,468	997,578,522,481
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	2,519,216,340	1,457,001,523

10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		956,616,055,128	996,121,520,958
11	4. Giá vốn hàng bán	24	942,863,882,633	883,947,848,933
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13,752,172,495	112,173,672,025
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	696,404,552	2,059,594,707
22	7. Chi phí tài chính	26	87,254,216,060	75,751,551,629
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		68,190,699,365	74,118,283,171
25	8. Chi phí bán hàng	27	107,649,909,589	65,635,254,453
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	41,689,175,728	42,922,574,385
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		-222,144,724,330	-70,076,113,735
31	11. Thu nhập khác	29	15,629,616,419	15,326,221,852
32	12. Chi phí khác	30	46,897,841,999	19,371,996,268
40	13. Lợi nhuận khác		-31,268,225,580	-4,045,774,416
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		-253,412,949,910	-74,121,888,151
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		-253,412,949,910	-74,121,888,151

c) Bảng báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	(đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(253,412,949,910)	(74,121,888,151)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		80,805,409,038	78,329,649,023
03	- Các khoản dự phòng		16,036,268,720	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		13,779,501,731	(71,011,551)
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(1,300,525,492)	(2,202,877,317)
06	- Chi phí lãi vay		68,190,699,365	74,118,283,171
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(75,901,596,548)	76,052,155,175
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(35,719,810,046)	28,565,795,387
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		127,572,144,316	45,857,055,364
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		169,289,004,691	112,241,388,095
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		(27,799,145,009)	(10,598,824,948)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(70,259,217,234)	(75,963,394,502)

15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2,458,943)	(3,029,135,369)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(896,253,985)	(242,987,210)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		86,282,667,242	172,882,051,992
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5,562,168,550)	(105,415,235,744)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		749,182,726	1,058,049,090
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	1,771,975,765
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		521,830,888	1,853,756,195
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4,291,154,936)	(100,731,454,694)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		187,135,000,000	-
32	1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	2. Tiền thu đi vay		722,145,972,293	906,869,355,189
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(996,553,778,391)	(985,511,046,369)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(5,281,293,792)	(6,491,093,882)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		7,029,824,059	13,520,917,941
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	1,748,530,267	7,029,824,059

2 Báo cáo tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2017:

a) *Bảng cân đối kế toán.*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	(đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		469,879,519,350	837,119,037,524
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1,857,722,993	7,996,223,758
111	1. Tiền		1,857,722,993	7,996,223,758
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		247,385,065,597	471,641,425,851
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	239,132,498,802	198,331,165,427
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	5,588,152,057	3,117,151,720
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		230,000,000	3,380,817,768
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	18,470,683,458	266,812,290,936
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(16,036,268,720)	-
140	IV. Hàng tồn kho	9	115,494,853,885	302,685,440,865
141	1. Hàng tồn kho		115,494,853,885	302,685,440,865
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		105,141,876,875	54,795,947,050

151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	66,160,415,152	41,015,775,494
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		38,981,461,723	13,780,171,556
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1,161,067,855,217	1,178,254,686,035
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		15,611,439,385	5,087,782,626
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	15,611,439,385	5,087,782,626
220	II. Tài sản cố định		1,078,211,207,109	954,055,325,243
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1,076,061,214,738	951,729,735,036
222	- Nguyên giá		1,888,586,448,135	1,798,253,382,388
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(812,525,233,397)	(846,523,647,352)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	2,149,992,371	2,325,590,207
228	- Nguyên giá		8,935,073,048	9,259,899,004
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6,785,080,677)	(6,934,308,797)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	32,012,078,735	142,117,786,196
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		31,330,557,735	52,750,234,159
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		681,521,000	89,367,552,037
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	24,525,200,012	2,446,064,290
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		5,223,300,012	1,931,064,290
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		19,301,900,000	515,000,000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		10,707,929,976	74,547,727,680
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	10,665,991,794	74,505,789,498
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		41,938,182	41,938,182
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1,630,947,374,567	2,015,373,723,559
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1,572,539,758,627	1,882,416,444,689
310	I. Nợ ngắn hạn		1,077,658,180,609	1,010,204,675,404
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	404,137,566,520	303,132,257,137
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	177,088,922,640	12,798,987,929
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	25,571,749,562	23,488,414,121
314	4. Phải trả người lao động		10,162,469,870	12,265,161,000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	4,812,397,999
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	237,056,818	350,886,364
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	36,590,515,844	138,273,159,520
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	423,834,620,213	514,853,317,213
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		35,279,142	230,094,121
330	II. Nợ dài hạn		494,881,578,018	872,211,769,285
331	1. Phải trả người bán dài hạn	15	-	8,932,561,110
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	16	-	50,309,182,645
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	36,681,439,448	39,404,132,617
337	4. Phải trả dài hạn khác	18	18,710,453,978	96,280,177,669
338	5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	439,489,684,592	677,285,715,244
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		58,407,615,940	132,957,278,870
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	58,407,615,940	132,957,278,870

411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	371,811,090,000	184,511,090,000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	371,811,090,000	184,511,090,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	2,753,390,480	2,918,390,480
415	3. Cổ phiếu quỹ	(1,894,390,964)	(1,894,390,964)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	10,113,270,078	10,113,270,078
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(325,467,155,787)	(70,723,694,748)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	(71,606,374,066)	3,323,781,226
421b	- LNST chưa phân phối năm nay	(253,860,781,721)	(74,047,475,974)
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	1,091,412,133	8,032,614,024
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1,630,947,374,567	2,015,373,723,559

b) Bảng kết quả kinh doanh.

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	(đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	960,107,849,811	1,072,442,447,326
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	2,519,216,340	1,457,001,523
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		957,588,633,471	1,070,985,445,803
11	4. Giá vốn hàng bán	24	942,344,804,335	950,639,764,503
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15,243,829,136	120,345,681,300
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	536,429,714	4,217,929,893
22	7. Chi phí tài chính	26	87,259,295,462	79,432,916,500
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		68,195,778,767	76,439,177,541
24	8. Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(268,868,538)	2,728,132
25	10. Chi phí bán hàng	27	107,649,909,589	65,635,254,453
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	43,153,761,141	46,893,084,228
30	12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(222,551,575,880)	(67,394,915,856)
31	12. Thu nhập khác	29	15,629,616,419	15,428,194,577
32	13. Chi phí khác	30	46,911,134,729	19,697,018,894
40	14. Lợi nhuận khác		(31,281,518,310)	(4,268,824,317)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(253,833,094,190)	(71,663,740,173)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	12,275,398	770,221,527
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(253,845,369,588)	(72,433,961,700)
61	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		15,412,133	949,188,623
62	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(253,860,781,721)	(73,383,150,323)
	19.1 Lợi nhuận chia cho đối tác liên doanh		-	664,325,651
	19.2 Lợi nhuận sau thuế của các cổ đông Công ty		(253,860,781,721)	(74,047,475,974)
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	(10,609)	(4,028)

c) Bảng báo cáo Lưu chuyển tiền tệ:

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2017	Năm 2016
		VND	(đã điều chỉnh) VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	(253,833,094,190)	(71,663,740,173)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	80,996,165,178	80,736,061,814
03	Các khoản dự phòng	16,036,268,720	-

04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	13,779,501,732	(71,011,551)
05	Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(871,682,116)	(2,475,836,320)
06	Chi phí lãi vay	68,195,778,767	76,439,177,541
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(75,697,061,909)	82,964,651,311
09	Tăng/giảm các khoản phải thu	(106,765,146,852)	(79,742,556,728)
10	Tăng/giảm hàng tồn kho	183,061,034,288	26,083,703,537
11	Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	185,258,224,479	215,440,606,180
12	Tăng/giảm chi phí trả trước	(27,801,642,751)	(10,634,433,693)
14	Tiền lãi vay đã trả	(70,355,337,303)	(78,292,240,293)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(80,438,871)	(3,491,318,404)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(2,199,195,974)	(1,057,557,017)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	85,420,435,107	151,270,854,893
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(5,562,168,550)	(106,506,144,835)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	749,182,726	1,058,049,090
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	0	1,971,975,765
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	361,856,050	2,138,227,066
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(4,451,129,774)	(101,337,892,914)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	187,300,000,000	-
33	2. Tiền thu đi vay	722,145,972,293	941,158,863,229
34	3. Tiền trả nợ gốc vay	(996,553,778,391)	(996,644,604,409)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(87,107,806,098)	(55,485,741,180)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(6,138,500,765)	(5,552,779,201)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	7,996,223,758	13,549,002,959
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	1,857,722,993	7,996,223,758

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2017 Công ty QNC, báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và thực hiện công bố thông tin và được đăng tải trên trang điện tử của QNC: www.qncc.vn theo quy định./.

Nơi nhận:

- Ủy ban CK Nhà nước;
- Sở GDCK Hà Nội;
- Lưu VP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH (QNC)**



CHỦ TỊCH HĐQT

Đỗ Hoàng Phúc